

BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC
TỈNH HƯNG YÊN
THÁNG 5 NĂM 2024



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HƯNG YÊN

LIÊN ĐOÀN QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA
TÀI NGUYÊN NƯỚC MIỀN BẮC

BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC
TỈNH HƯNG YÊN
THÁNG 5 NĂM 2024

Đơn vị thực hiện:
LIÊN ĐOÀN QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA
TÀI NGUYÊN NƯỚC MIỀN BẮC

PHÓ LIÊN ĐOÀN TRƯỞNG



Luyện Đức Thuận

HUNG YÊN, THÁNG 6 NĂM 2024

MỤC LỤC

I. Tổng quan diễn biến tài nguyên nước dưới đất	5
I.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	5
I.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	6
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước dưới đất	8
II.1. Thành phố Hưng Yên	8
II.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	8
II.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	10
II.2. Huyện Văn Lâm.....	11
II.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	11
II.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	13
II.3. Huyện Văn Giang	15
II.3.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	15
II.3.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	17
II.4. Thị xã Mỹ Hào	19
II.4.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	19
II.4.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	20
II.5. Huyện Yên Mỹ	22
II.5.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	22
II.5.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	23
II.6. Huyện Ân Thi.....	25
II.6.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	25
II.6.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	27
II.7. Huyện Khoái Châu	29
II.7.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	29
II.7.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	31
II.8. Huyện Kim Động	33
II.8.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	33
II.8.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	35
II.9. Huyện Phù Cừ	36
II.9.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	36
II.9.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	38
II.10. Huyện Tiên Lữ.....	39
II.10.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)	39
II.10.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	41

LỜI NÓI ĐẦU

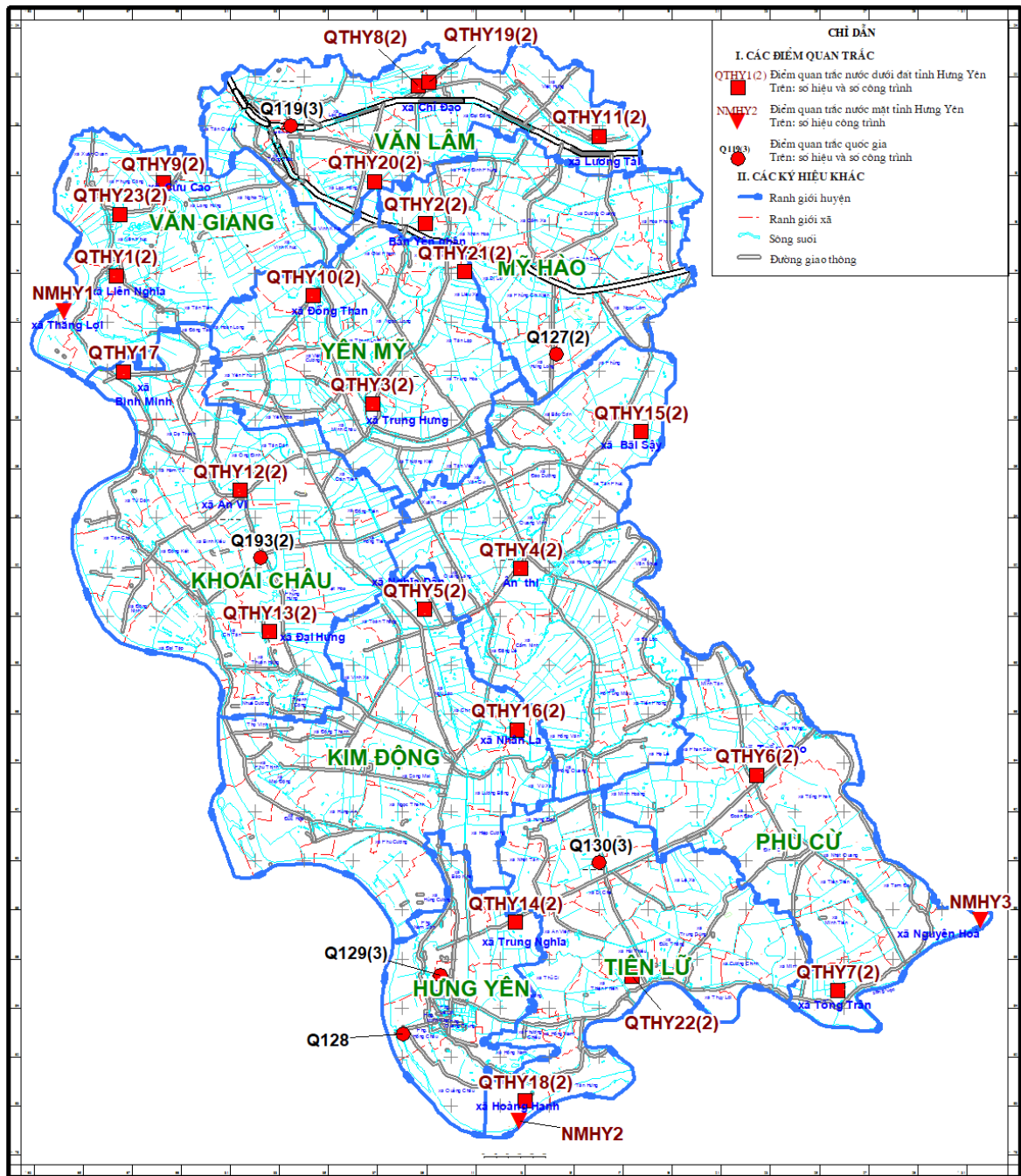
Bản tin Thông báo, dự báo tài nguyên nước hàng tháng cung cấp thông tin, diễn biến số lượng nước tại các trạm quan trắc TNN nhằm phục vụ kịp thời hiệu quả cho công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên nước, công tác điều tra cơ bản và quy hoạch tài nguyên nước.

Bản tin Thông báo, dự báo tài nguyên nước tỉnh Hưng Yên được công bố định kỳ hàng tháng dựa trên kết quả quan trắc tại 23 điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất cùng với 3 điểm quan trắc tài nguyên nước mặt (Hiện nay đã tạm dừng đo do công trình bị hư hại dẫn đến số liệu đo không chính xác). Ngoài ra trong bản tin có sử dụng các công trình quan trắc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thuộc mạng quan trắc quốc gia tài nguyên nước để đánh giá diễn biến tài nguyên nước dưới đất ở hai tầng chứa nước chính qh và qp.

Mạng lưới quan trắc tài nguyên nước nằm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thuộc sự quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường Hưng Yên. Hiện tại có tổng số 26 điểm quan trắc. Trong đó 23 điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất, phân bố ở các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ, Khoái Châu, Kim Động, Phù Cừ, Ân Thi, Thị xã Mỹ Hào, Tiên Lữ và Thành phố Hưng Yên.

Các điểm quan trắc tài nguyên nước mặt Hưng Yên (Hiện nay đã tạm dừng đo, do công trình bị xuống cấp) đặt tại các vị trí:

- Trạm NMHY1 nằm ở bờ trái sông Hồng, tại khu vực bến đò Dương Liệt. Trạm thuộc địa phận xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang;
- Trạm NMHY2 nằm ở bờ trái sông Hồng, tại khu vực bến đò Vũ Điện. Trạm thuộc địa phận xã Hoàng Hanh, TP Hưng Yên;
- Trạm NMHY3 nằm ở bờ trái sông Luộc, tại khu vực trạm bơm Sỹ Quý. Trạm thuộc địa phận xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ.



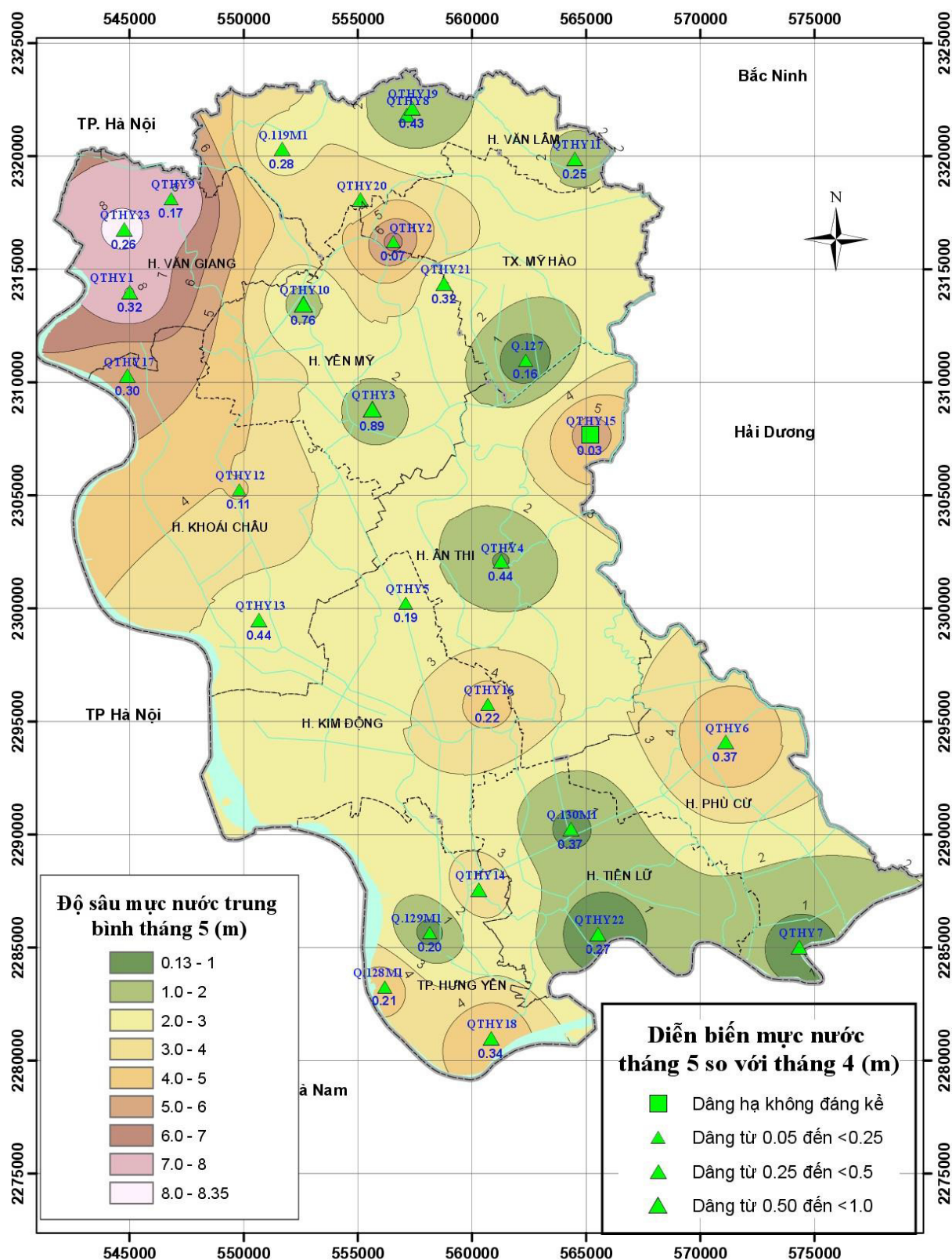
Sơ đồ mạng lưới quan trắc tài nguyên nước tỉnh Hưng Yên

I. Tổng quan diễn biến tài nguyên nước dưới đất

I.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

Mức nước trung bình tháng 5 có xu hướng tăng so với tháng 4, có 28/28 công trình mực nước dâng (hình 1). Giá trị dâng cao nhất là 0,89m tại xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ (QTHY3). Giá trị dâng nhỏ nhất là 0,03m tại xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi (QTHY15).

Trong tháng 5: Mức nước trung bình tháng nông nhất là -0,13m tại xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ (QTHY22). Mức nước trung bình tháng sâu nhất là -8,35m tại TT. Văn Giang, huyện Văn Giang (QTHY23).

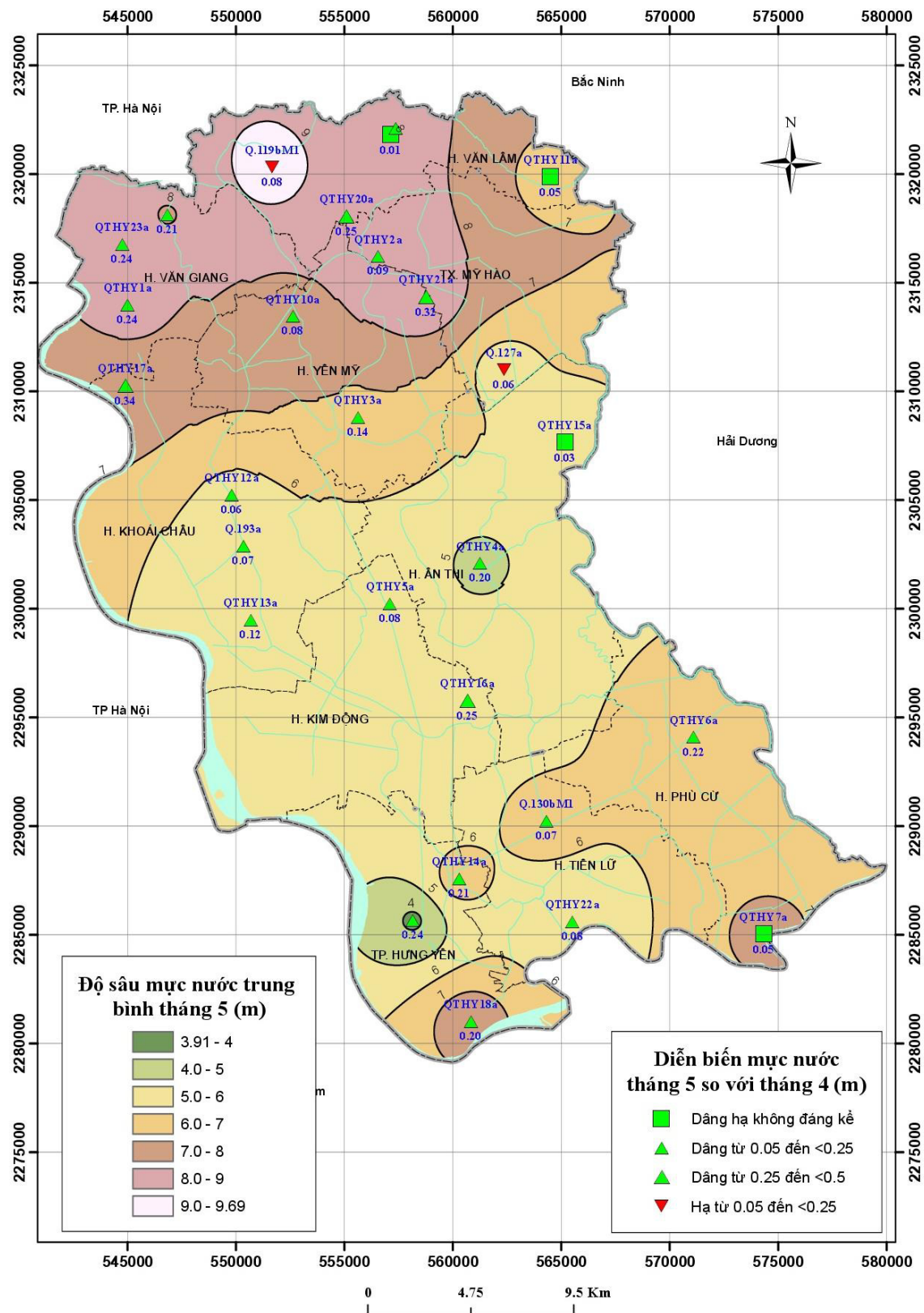


Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qh

I.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Mực nước trung bình tháng 5 tầng chứa nước qp có xu thế tăng so với tháng 4, với có 26/28 công trình mực tăng. Giá trị dâng cao nhất là 0,34m tại xã Bình Minh, huyện Khoái Châu (QTHY17a), giá trị hạ lớn nhất là 0,08m tại TT Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (Q.119bM1).

Trong tháng 5: Mức nước trung bình tháng nông nhất là -3,91m tại phường Minh Khai, TP. Hưng Yên (Q.129bM1). Mức nước trung bình tháng sâu nhất là -9,69m tại TT Như Quỳnh, huyện Văn Lâm (Q.119bM1).



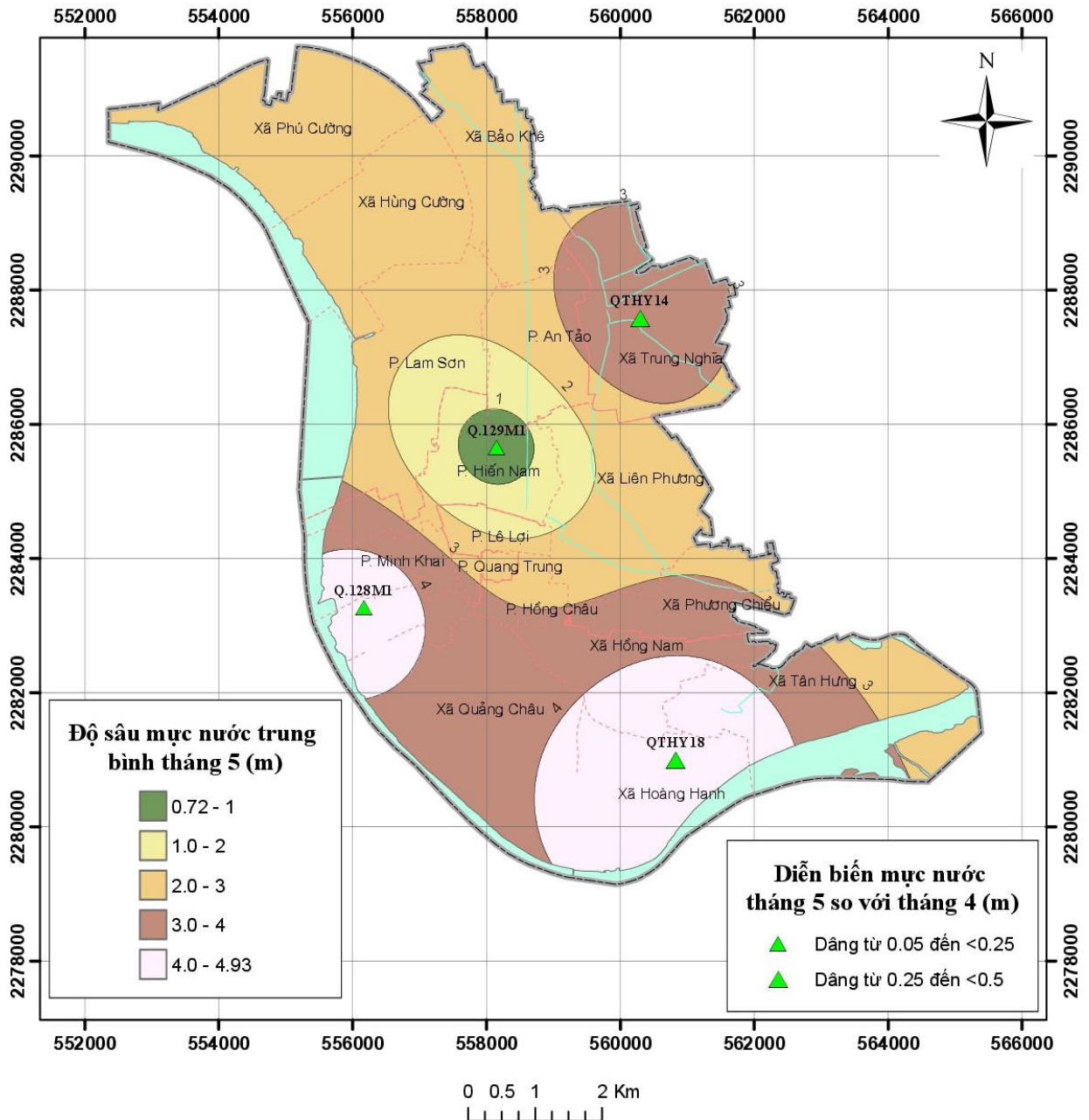
Hình 2. Sơ đồ điển biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qp

II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước dưới đất

II.1. Thành phố Hưng Yên

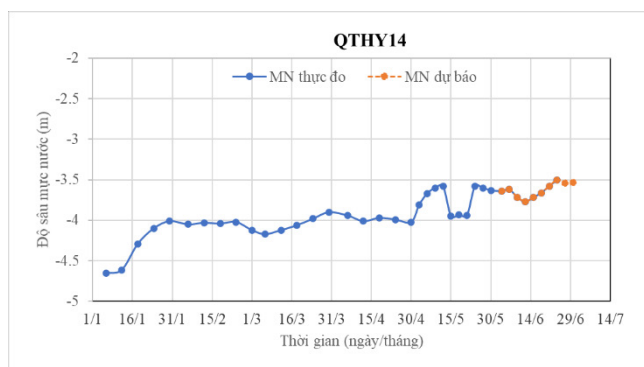
II.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

Trong phạm vi Thành phố, mực nước tháng 5 có xu hướng so với tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 0,24m tại xã Ph Minh Khai (QTHY18). Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,72m tại phường Lam Sơn (Q.129M1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -4,93m tại xã Hoàng Hanh (QTHY18).

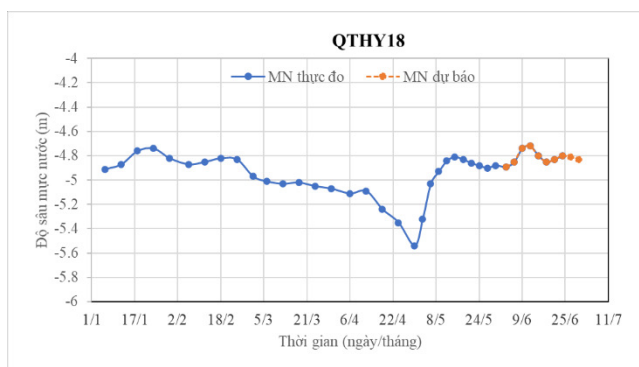


Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qh khu vực TP Hưng Yên

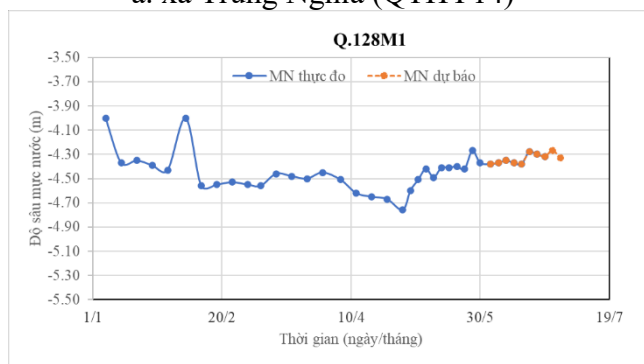
Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu thế dâng tuy nhiên không đáng kể so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 4 và bảng 1).



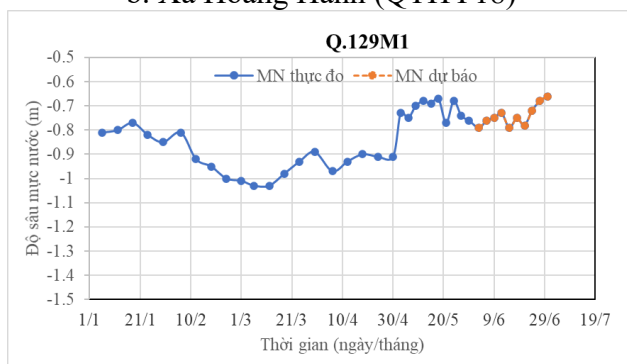
a. xã Trung Nghĩa (QTHY14)



b. Xã Hoàng Hanh (QTHY18)



c. phường Minh Khai (Q.128M1)



d. phường Lam Sơn (Q.129M1)

Hình 4. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 1. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

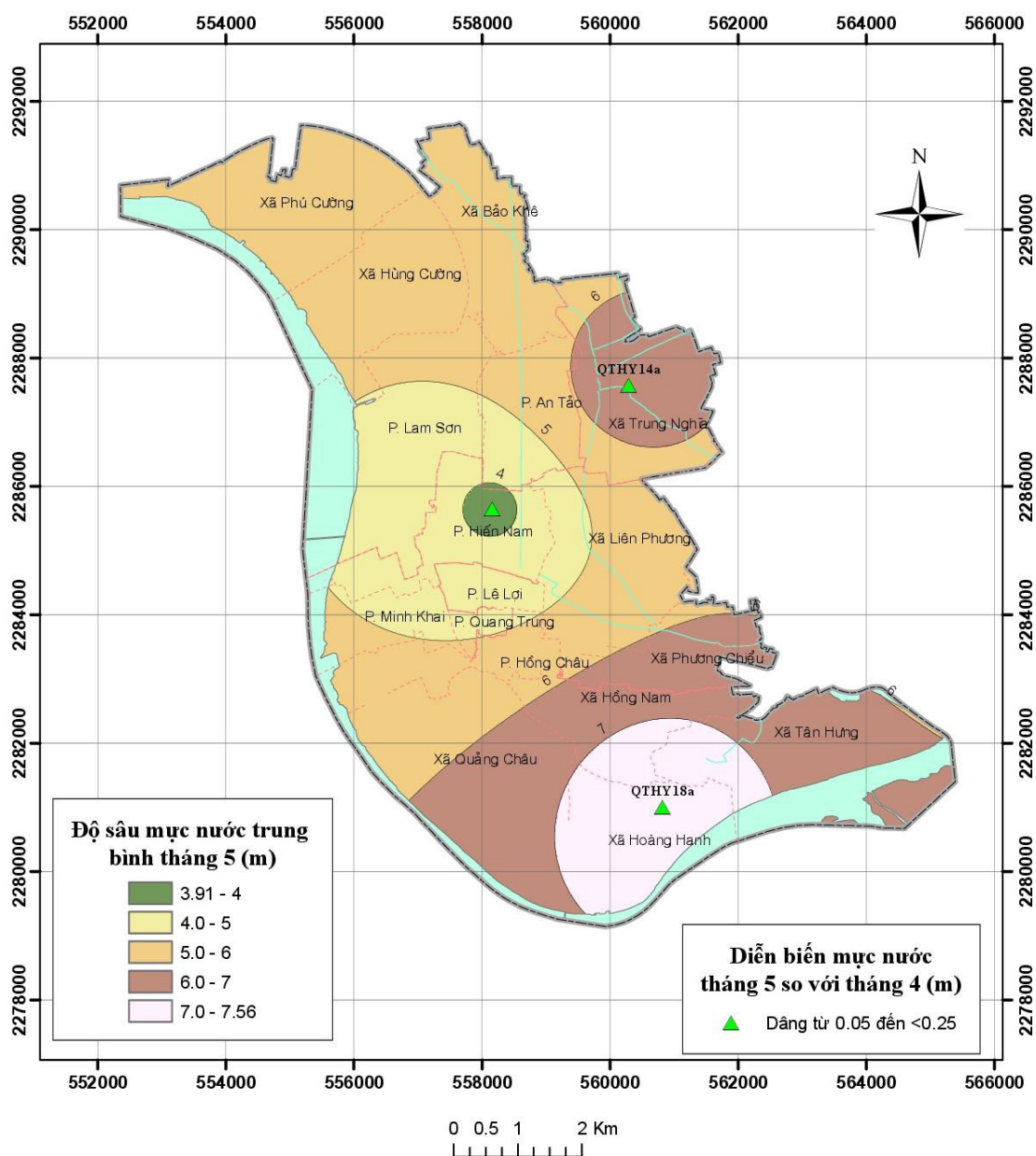
Ngày	xã Trung Nghĩa (QTHY14)		Trạm Y tế xã Hoàng Hanh (QTHY18)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-3,81	-3,64	-5,32	-4,89
6	-3,67	-3,62	-5,03	-4,85
9	-3,60	-3,72	-4,93	-4,74
12	-3,58	-3,77	-4,84	-4,72
15	-3,95	-3,72	-4,81	-4,80
18	-3,93	-3,66	-4,83	-4,85
21	-3,94	-3,58	-4,86	-4,83
24	-3,58	-3,50	-4,88	-4,80
27	-3,60	-3,54	-4,90	-4,81
30	-3,63	-3,53	-4,88	-4,83
TB	-3,73	-3,63	-4,93	-4,81
Ngày	phường Minh Khai (Q.128M1)		phường Lam Sơn (Q.129M1)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-4,6	-4,38	-0,73	-0,79
6	-4,51	-4,37	-0,75	-0,76
9	-4,42	-4,35	-0,7	-0,75
12	-4,49	-4,37	-0,68	-0,73
15	-4,41	-4,38	-0,69	-0,79
18	-4,41	-4,28	-0,67	-0,75
21	-4,40	-4,30	-0,77	-0,78
24	-4,42	-4,32	-0,68	-0,72

27	-4,27	-4,27	-0,74	-0,68
30	-4,37	-4,33	-0,76	-0,66
TB	-4,43	-4,34	-0,72	-0,74

II.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

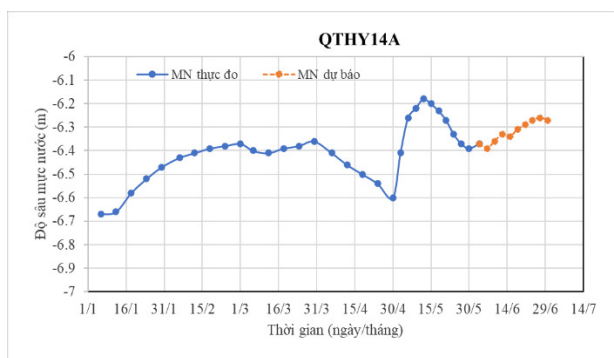
Trong phạm vi Thành phố, mực nước tháng 5 có dâng so với tháng 4. Giá trị dâng cao nhất nhất là 0,24m tại Ph Minh Khai (QTHY18A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -3,91m tại phường Minh Khai (Q.129bM1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -7,56m tại Trạm Y tế xã Hoàng Hanh (QTHY18A).

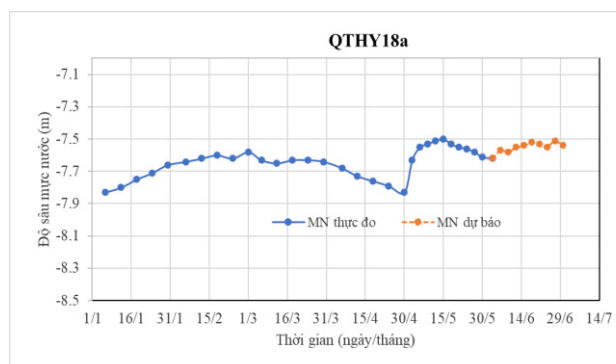


Hình 5. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qp khu vực TP Hưng Yên

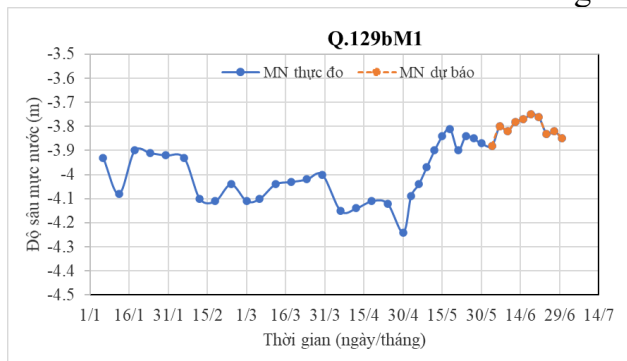
Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu thế dâng, tuy nhiên dâng không đáng kể so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 6 và bảng 2).



a. xã Trung Nghĩa (QTHY14A)



b. Xã Hoàng Hành (QTHY18A)



c. phường Lam Sơn (Q.129bM1)

Hình 6. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 2. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

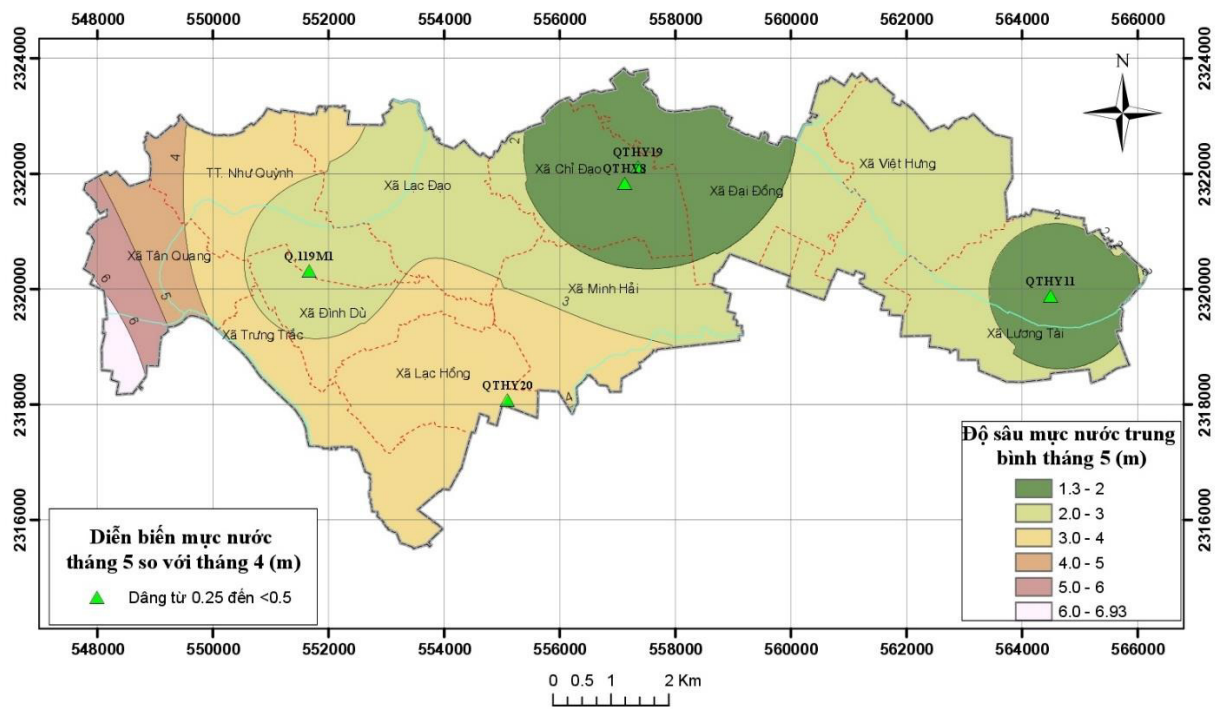
Ngày	xã Trung Nghĩa (QTHY14A)		Trạm Y tế xã Hoàng Hành (QTHY18A)		phường Lam Sơn (Q.129bM1)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-6,41	-6,37	-7,63	-7,62	-4,09	-3,88
6	-6,26	-6,39	-7,55	-7,57	-4,04	-3,80
9	-6,22	-6,36	-7,53	-7,58	-3,97	-3,82
12	-6,18	-6,33	-7,51	-7,55	-3,9	-3,78
15	-6,20	-6,34	-7,50	-7,54	-3,84	-3,77
18	-6,23	-6,31	-7,53	-7,52	-3,81	-3,75
21	-6,27	-6,29	-7,55	-7,53	-3,90	-3,76
24	-6,33	-6,27	-7,56	-7,55	-3,84	-3,83
27	-6,37	-6,26	-7,58	-7,51	-3,85	-3,82
30	-6,39	-6,27	-7,61	-7,54	-3,87	-3,85
TB	-6,29	-6,32	-7,56	-7,55	-3,91	-3,81

II.2. Huyện Văn Lâm

II.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

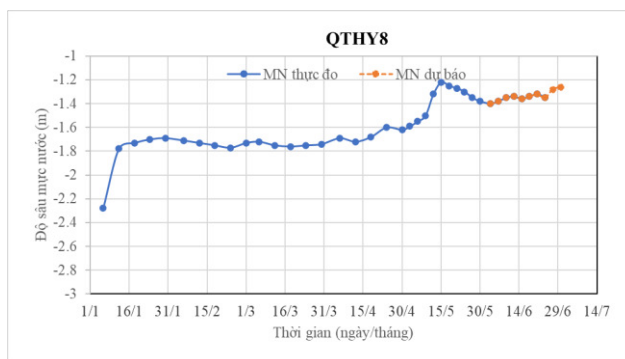
Trong phạm vi huyện, mực nước tháng 5 có xu thế dâng so với tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 0,43m tại xã Chi Đạo (QTHY19), giá trị dâng thấp nhất là 0,25m tại xã Lương Tài (QTHY11).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,30m tại xã Chi Đạo (QTHY8), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -3,79m tại xã Lạc Hồng (QTHY20).

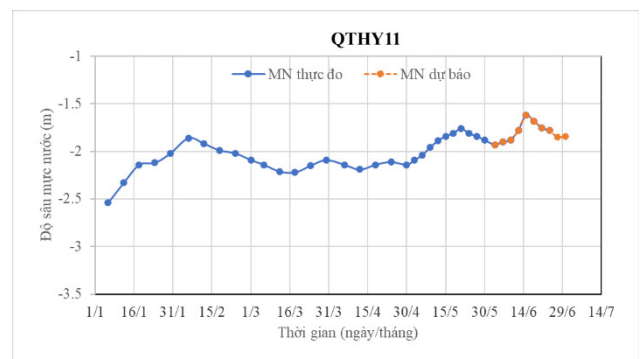


Hình 7. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tăng qh khu vực huyện Văn Lâm

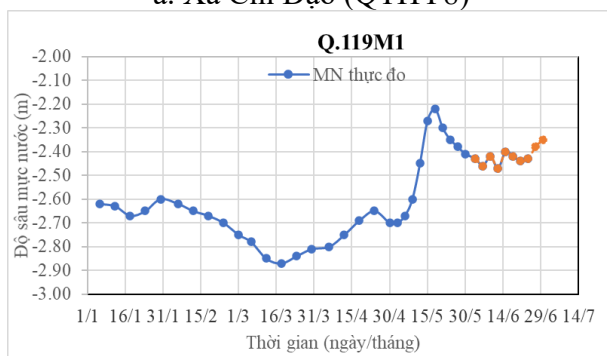
Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu thế dâng tuy nhiên dâng không đáng kể so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 8 và bảng 3).



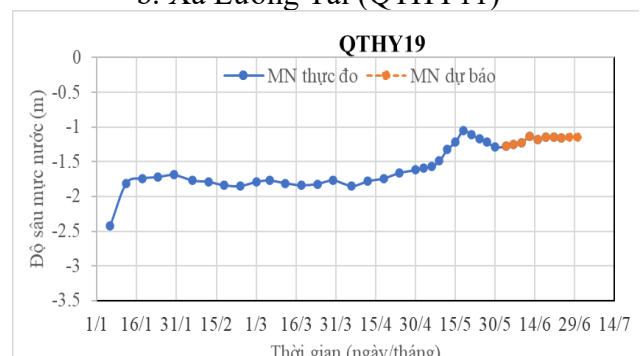
a. Xã Chỉ Đạo (QTHY8)



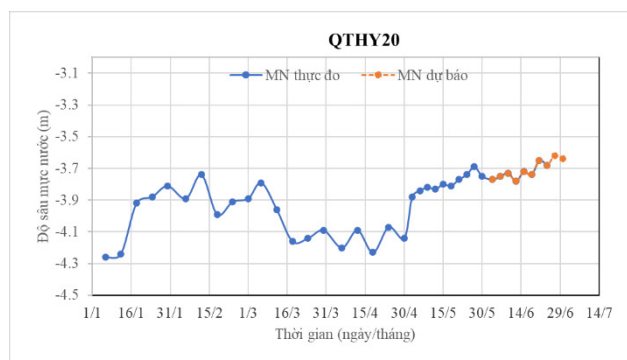
b. Xã Lương Tài (QTHY11)



c. TT Như Quỳnh (Q.119M1)



d. Xã Chỉ Đạo (QTHY19)



e. Xã Lạc Hồng (QTHY20)

Hình 8. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

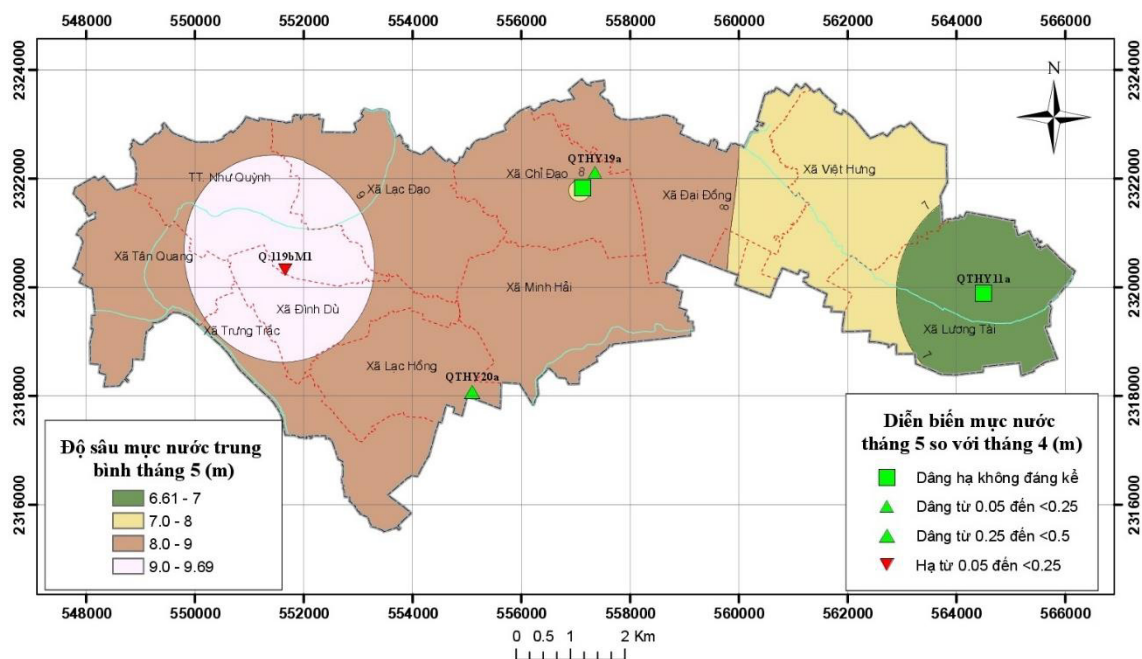
Bảng 3. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

Ngày	Xã Lạc Hồng (QTHY20)		Trạm Y tế xã Chỉ Đạo (QTHY8)		Trạm Y tế xã Lương Tài (QTHY11)		Xã Chỉ Đạo (QTHY19)		TT Như Quỳnh (Q.119M1)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-3,88	-3,77	-1,59	-1,4	-2,09	-1,93	-1,59	-1,28	-2,70	-2,43
6	-3,84	-3,75	-1,55	-1,38	-2,04	-1,9	-1,57	-1,25	-2,67	-2,46
9	-3,82	-3,73	-1,5	-1,35	-1,96	-1,88	-1,49	-1,23	-2,60	-2,42
12	-3,83	-3,78	-1,32	-1,34	-1,89	-1,78	-1,32	-1,13	-2,45	-2,47
15	-3,8	-3,72	-1,22	-1,36	-1,84	-1,62	-1,22	-1,18	-2,27	-2,40
18	-3,81	-3,74	-1,25	-1,34	-1,81	-1,68	-1,05	-1,14	-2,22	-2,42
21	-3,77	-3,65	-1,27	-1,32	-1,76	-1,75	-1,11	-1,15	-2,30	-2,44
24	-3,74	-3,68	-1,3	-1,35	-1,81	-1,78	-1,17	-1,16	-2,35	-2,43
27	-3,69	-3,62	-1,35	-1,28	-1,84	-1,85	-1,22	-1,14	-2,38	-2,38
30	-3,75	-3,64	-1,38	-1,26	-1,88	-1,84	-1,29	-1,14	-2,41	-2,35
TB	-3,79	-3,71	-1,37	-1,34	-1,89	-1,80	-1,30	-1,18	-2,44	-2,42

II.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

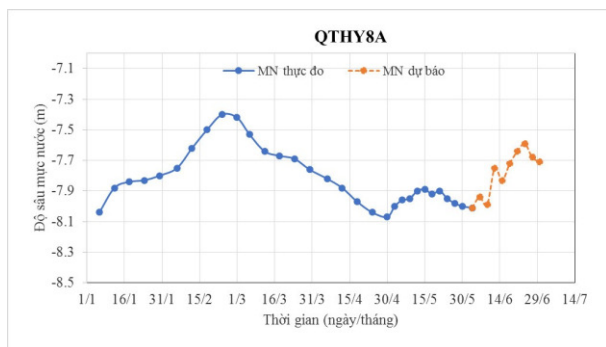
Trong phạm vi huyện, mực nước tháng 5 có xu thế dâng, hạ không đáng kể so với tháng 4. Giá trị dâng lớn nhất là 0,25m tại xã Lạc Hồng (QTHY20A), giá trị hạ thấp nhất là 0,08m tại TT Như Quỳnh (Q.119bM1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -6,61m tại xã Lương Tài (QTHY11A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -9,69m tại TT Như Quỳnh (Q.119bM1).

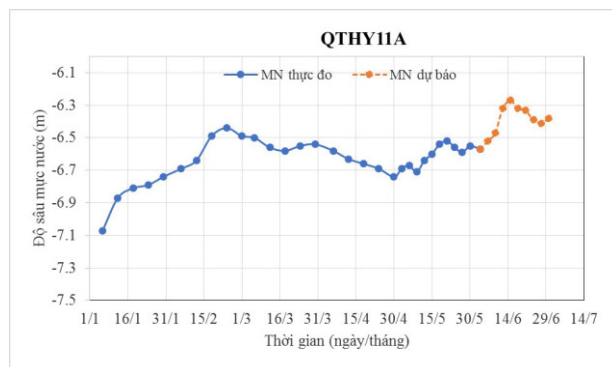


Hình 9. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qđ khu vực huyện Văn Lâm

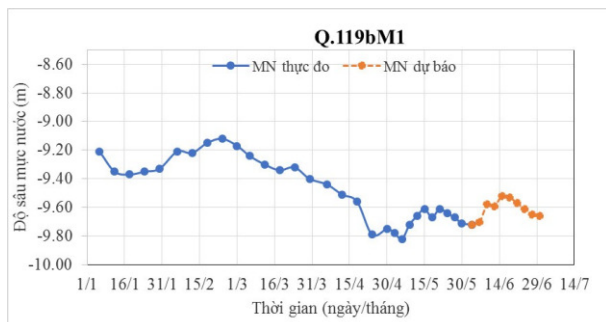
Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu thế dâng, tuy nhiên dâng không đáng kể so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 10 và bảng 4).



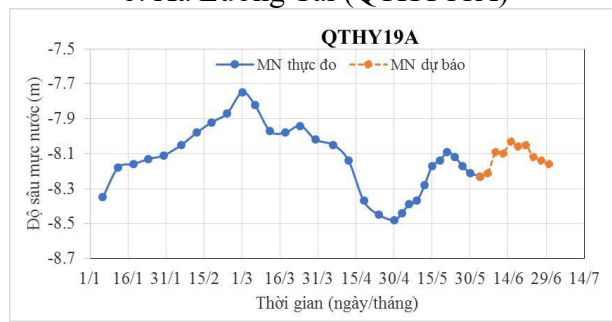
a. Xã Chỉ Đạo (QTHY8A)



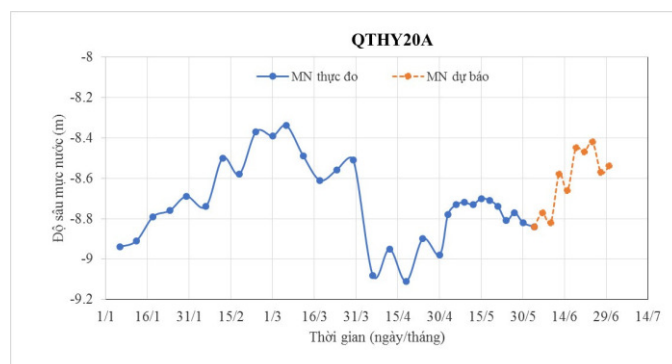
b. Xã Lương Tài (QTHY11A)



c. TT Như Quỳnh (Q.119bM1)



d. Xã Chỉ Đạo (QTHY19A)



e. Xã Lạc Hồng (QTHY20A)

Hình 10. Dự báo độ sâu mực nước tăng qđ

Bảng 4. Độ sâu mực nước tăng qđ (m)

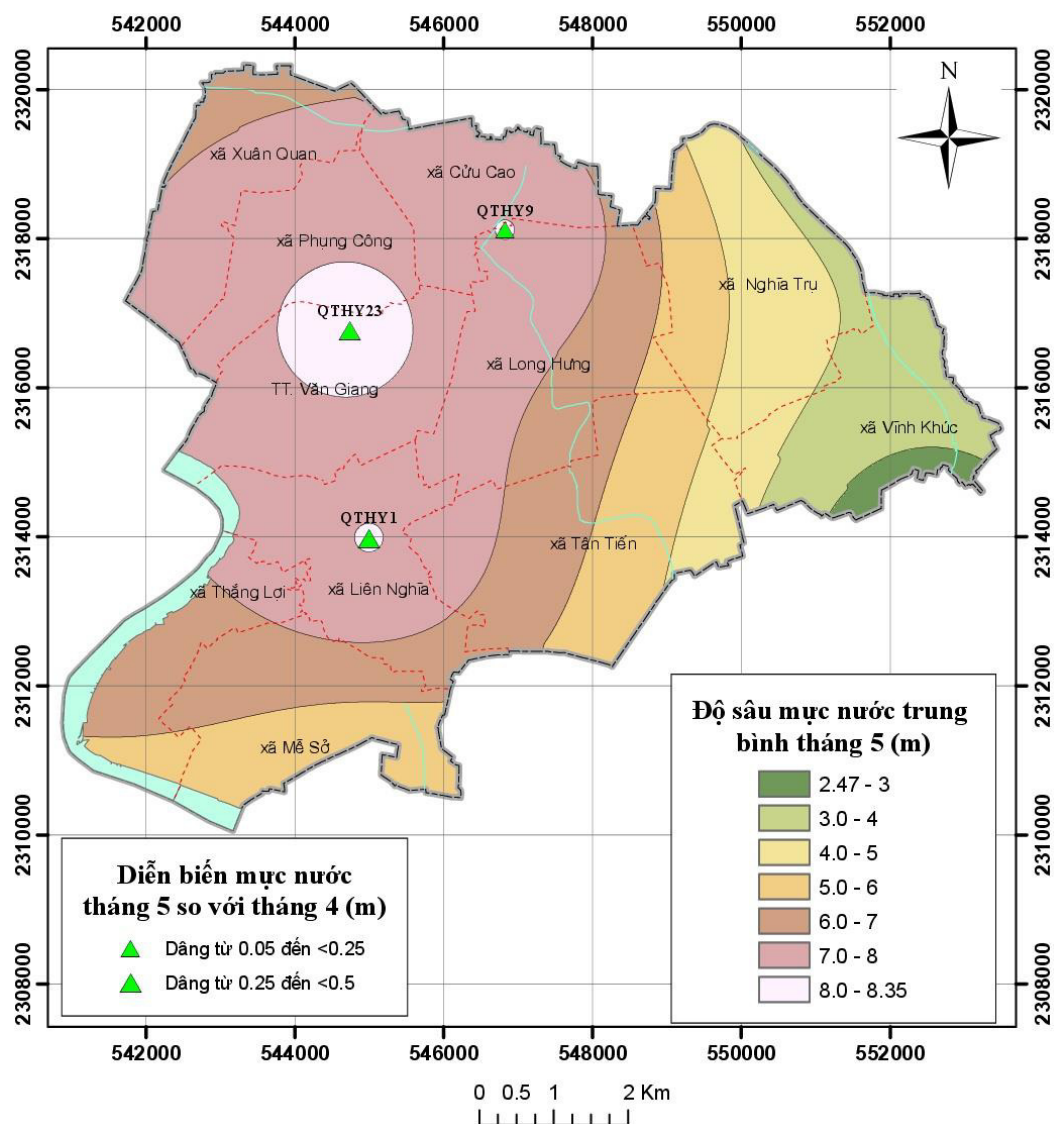
Ngày	Xã Lạc Hồng (QTHY20A)		Trạm Y tế xã Chỉ Đạo (QTHY8A)		Trạm Y tế xã Lương Tài (QTHY11A)		Xã Chi Đạo (QTHY19A)		TT Như Quỳnh (Q.119bM1)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-8,78	-8,84	-8,00	-8,01	-6,69	-6,57	-8,44	-8,23	-9,78	-9,72
6	-8,73	-8,77	-7,96	-7,94	-6,67	-6,52	-8,39	-8,21	-9,82	-9,70
9	-8,72	-8,82	-7,95	-7,99	-6,71	-6,47	-8,37	-8,09	-9,72	-9,58
12	-8,73	-8,58	-7,90	-7,75	-6,64	-6,32	-8,28	-8,10	-9,66	-9,59
15	-8,70	-8,66	-7,89	-7,83	-6,60	-6,27	-8,17	-8,03	-9,61	-9,52
18	-8,71	-8,45	-7,92	-7,72	-6,54	-6,32	-8,14	-8,06	-9,67	-9,53
21	-8,74	-8,47	-7,90	-7,64	-6,52	-6,33	-8,09	-8,05	-9,61	-9,57
24	-8,81	-8,42	-7,95	-7,59	-6,56	-6,39	-8,12	-8,12	-9,64	-9,61
27	-8,77	-8,57	-7,98	-7,68	-6,59	-6,41	-8,17	-8,14	-9,67	-9,65
30	-8,82	-8,54	-8,00	-7,71	-6,55	-6,38	-8,21	-8,16	-9,71	-9,66
TB	-8,75	-8,61	-7,95	-7,79	-6,61	-6,40	-8,24	-8,12	-9,69	-9,61

II.3. Huyện Văn Giang

II.3.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

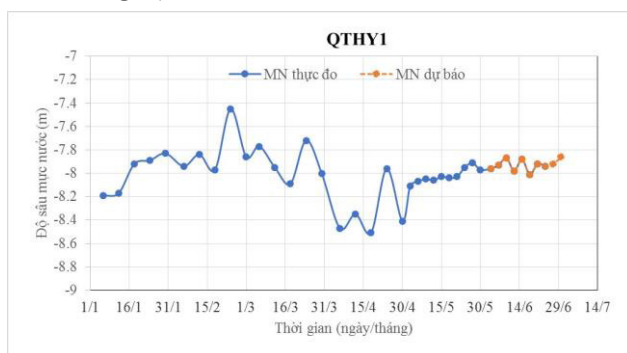
Trong phạm vi huyện, mực nước tháng 5 có xu hướng dâng so với tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 0,32m tại xã Liên Nghĩa (QTHY1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -8,01m tại xã Cửu Cao (QTHY9), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -8,35m tại TT. Văn Giang (QTHY23).

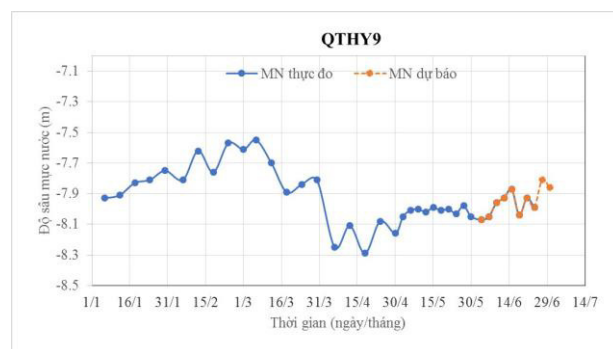


Hình 11. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qh khu vực huyện Văn Giang

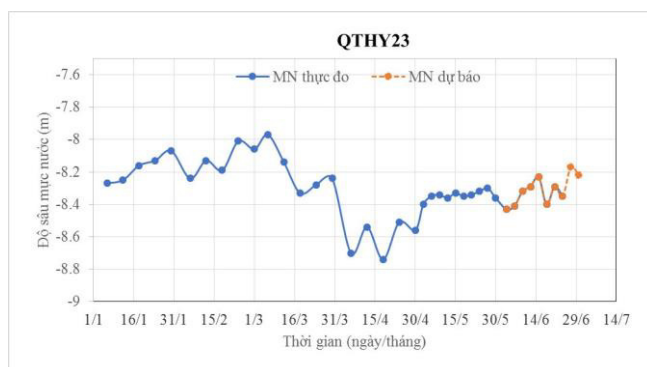
Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu hướng dâng tuy nhiên không đáng kể so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 12 và bảng 5).



a. Xã Liên Nghĩa (QTHY1)



b. Xã Cửu Cao (QTHY9)



c. TT. Văn Giang (QTHY23)

Hình 12. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 5. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

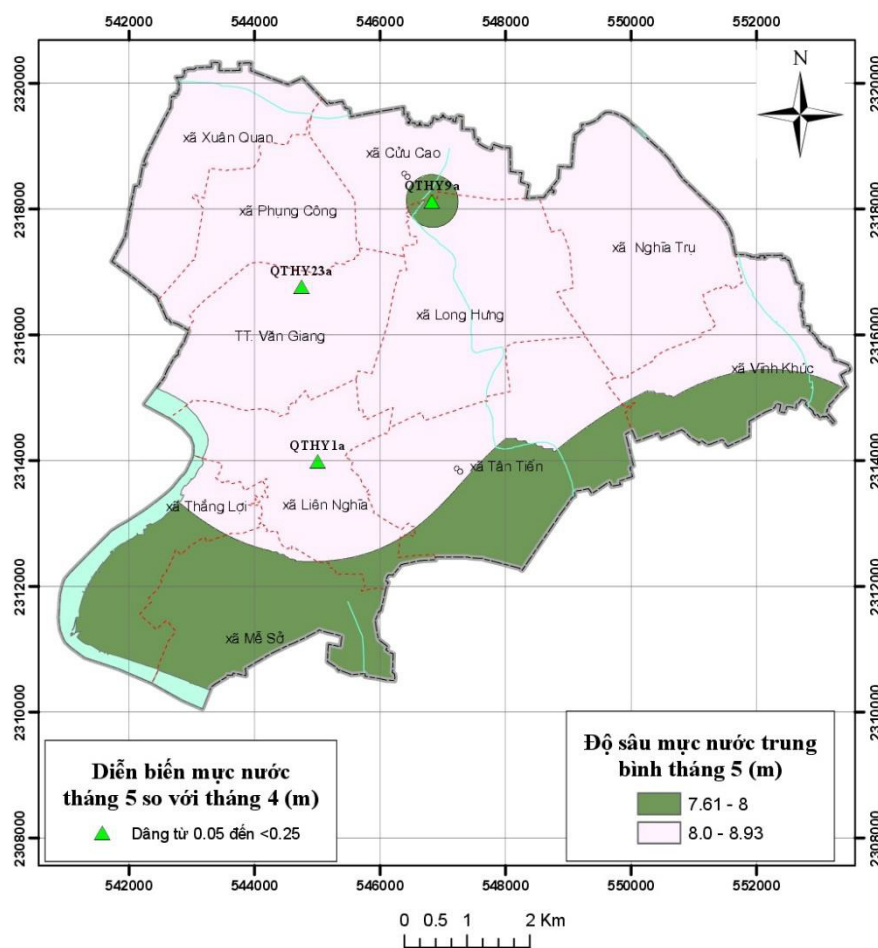
Ngày	UBND xã Liên Nghĩa (QTHY1)		TT, Văn Giang (QTHY23)		Trạm Y tế xã Cửu Cao (QTHY9)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-8,11	-7,96	-8,4	-8,43	-8,05	-8,07
6	-8,07	-7,93	-8,35	-8,41	-8,01	-8,05
9	-8,05	-7,87	-8,34	-8,32	-8	-7,96
12	-8,06	-7,98	-8,36	-8,29	-8,02	-7,93
15	-8,03	-7,88	-8,33	-8,23	-7,99	-7,87
18	-8,04	-8,01	-8,35	-8,4	-8,01	-8,04
21	-8,03	-7,92	-8,34	-8,29	-8	-7,93
24	-7,95	-7,94	-8,32	-8,35	-8,03	-7,99
27	-7,91	-7,92	-8,3	-8,17	-7,98	-7,81
30	-7,97	-7,86	-8,36	-8,22	-8,05	-7,86
TB	-8,02	-7,93	-8,35	-8,31	-8,01	-7,95

II.3.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

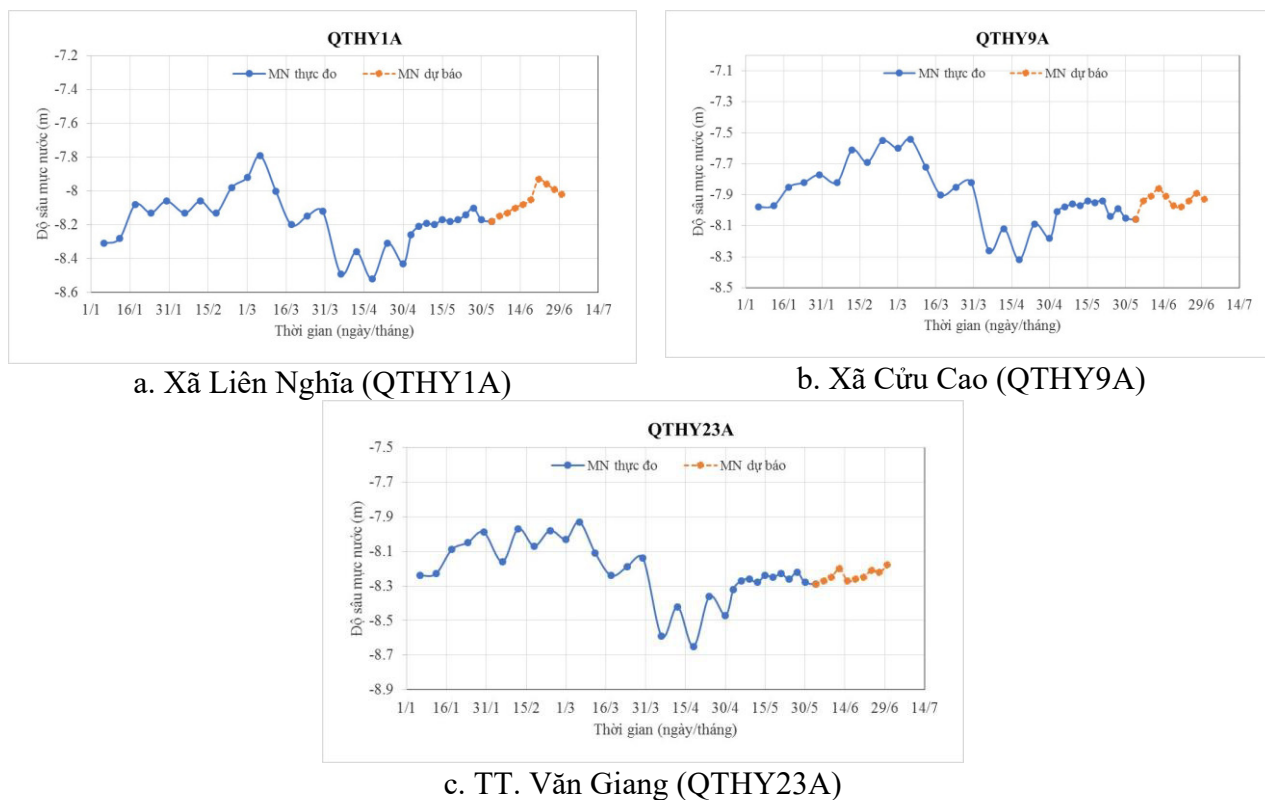
Trong phạm vi huyện, mực nước tháng 5 dâng dâng so với tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 0,24m tại xã Liên Nghĩa (QTHY1A) và TT Văn Giang (QTHY23A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -7,98m tại trạm y tế xã Cửu Cao (QTHY9A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -8,26m tại xã TT Văn Giang (QTHY23A).

Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu dâng, tuy nhiên dâng không đáng kể so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 14 và bảng 6).



Hình 13. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tăng qđ khu vực huyện Văn Giang



Hình 14. Dự báo độ sâu mực nước tăng qđ

Bảng 6. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

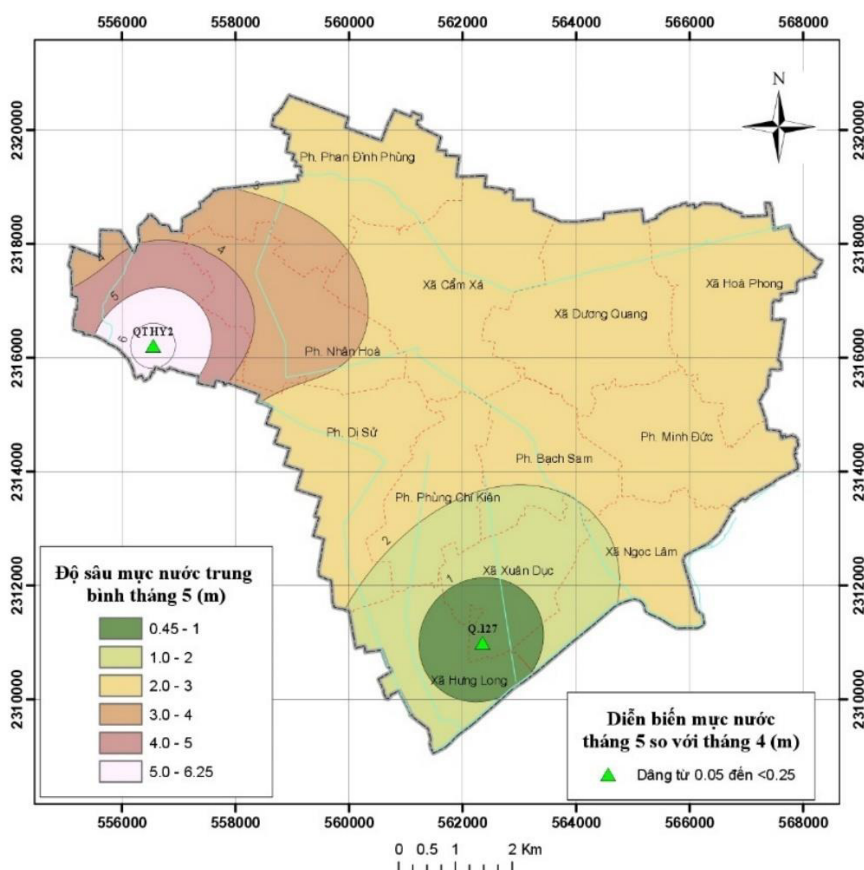
Ngày	UBND xã Liên Nghĩa (QTHY1A)		TT, Văn Giang (QTHY23A)		Trạm Y tế xã Cửu Cao (QTHY9A)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-8,26	-8,18	-8,32	-8,29	-8,01	-8,06
6	-8,21	-8,15	-8,27	-8,27	-7,98	-7,94
9	-8,19	-8,13	-8,26	-8,25	-7,96	-7,91
12	-8,2	-8,1	-8,28	-8,2	-7,97	-7,86
15	-8,17	-8,08	-8,24	-8,27	-7,94	-7,91
18	-8,18	-8,05	-8,25	-8,26	-7,95	-7,97
21	-8,17	-7,93	-8,23	-8,25	-7,94	-7,98
24	-8,14	-7,96	-8,26	-8,21	-8,04	-7,94
27	-8,1	-7,99	-8,22	-8,22	-7,99	-7,89
30	-8,17	-8,02	-8,28	-8,18	-8,05	-7,93
TB	-8,18	-8,06	-8,26	-8,24	-7,98	-7,94

II.4. Thị xã Mỹ Hào

II.4.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

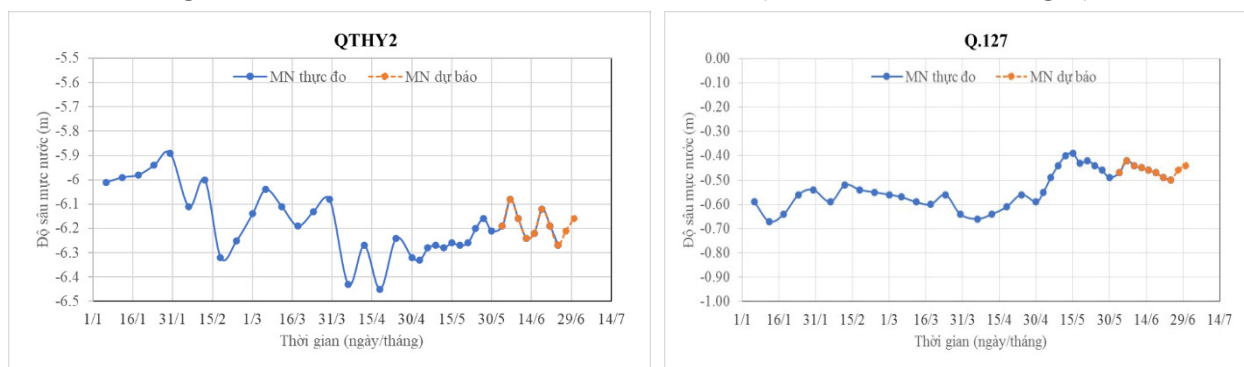
Trong phạm vi Thị xã, mực nước tháng 5 dâng so với tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 0,16m tại TT Bần Yên Nhân (QTHY2).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,45m tại xã Hưng Long (Q.127), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -6,25m tại phường Bần Yên Nhân (QTHY2).



Hình 15. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qh khu vực TX Mỹ Hào

Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu thế dâng, tuy nhiên dâng không đáng kể so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 16 và bảng 7).



Hình 16. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

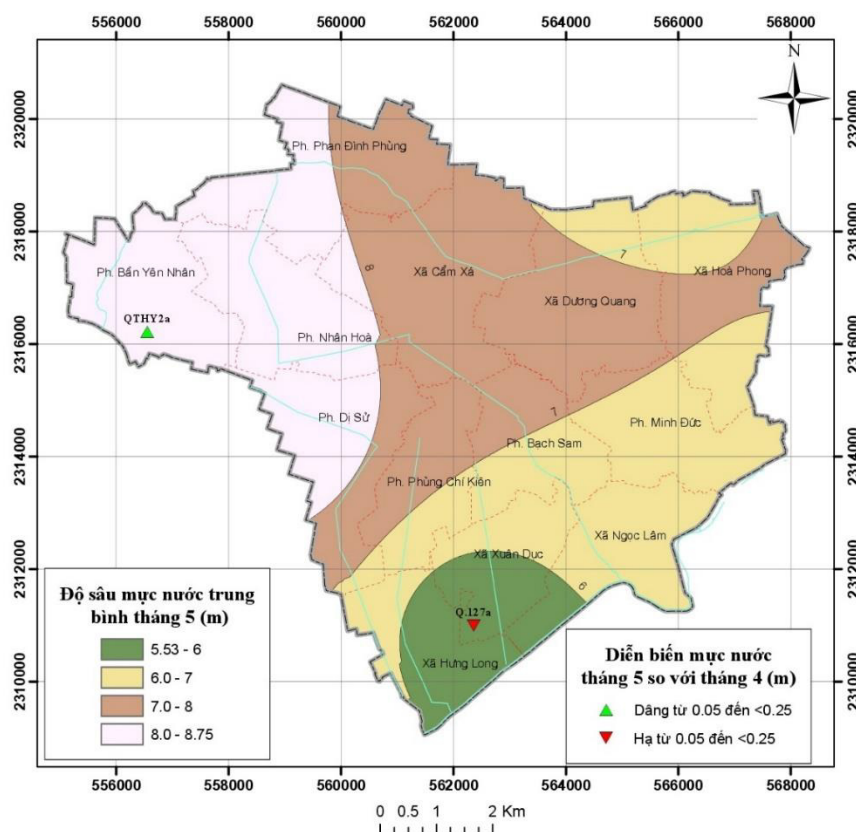
Bảng 7. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

Ngày	P, Bàn Yên Nhân (QTHY2)		xã Hưng Long (Q.127)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-6,33	-6,19	-0,55	-0,47
6	-6,28	-6,08	-0,49	-0,42
9	-6,27	-6,16	-0,44	-0,44
12	-6,28	-6,24	-0,40	-0,45
15	-6,26	-6,22	-0,39	-0,46
18	-6,27	-6,12	-0,43	-0,47
21	-6,26	-6,19	-0,42	-0,49
24	-6,2	-6,27	-0,44	-0,5
27	-6,16	-6,21	-0,46	-0,46
30	-6,21	-6,16	-0,49	-0,44
TB	-6,25	-6,18	-0,45	-0,46

II.4.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

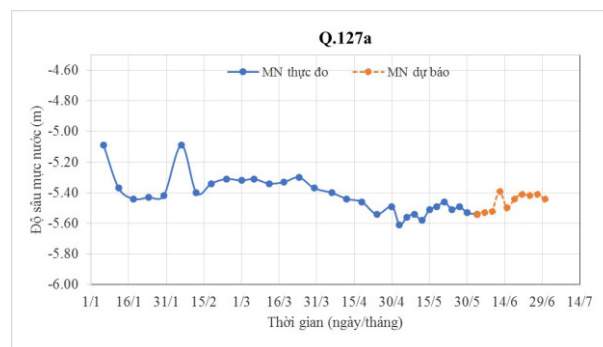
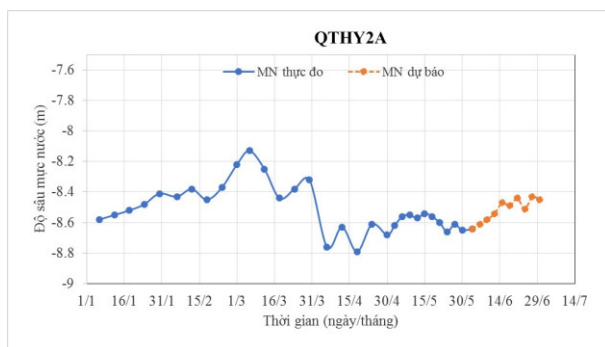
Trong phạm vi Thị xã, mực nước tháng 5 dâng hạ không đáng so với tháng 4. Giá trị dâng là 0,09m tại Ph. Bàn Yên Nhân (QTHY2A), giá trị hạ là 0,06m tại xã Hưng Long.

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -5,53m tại xã Hưng Long (Q.127a), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -8,59m tại phường Bàn Yên Nhân (QTHY2A).



Hình 17. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tăng qđ khu vực TX Mỹ Hòa

Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu thế dâng so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 18 và bảng 8).



a. Phường Bàn Yên Nhân (QTHY2A)

b. xã Hưng Long (Q.127a)

Hình 18. Dự báo độ sâu mực nước tăng qđ

Bảng 8. Độ sâu mực nước tăng qđ (m)

Ngày	P, Bàn Yên Nhân (QTHY2a)		xã Hưng Long (Q.127a)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-8,62	-8,64	-5,61	-5,54
6	-8,56	-8,61	-5,56	-5,53
9	-8,55	-8,58	-5,54	-5,52
12	-8,57	-8,54	-5,58	-5,39
15	-8,54	-8,47	-5,51	-5,5
18	-8,56	-8,49	-5,49	-5,44
21	-8,6	-8,44	-5,46	-5,41
24	-8,66	-8,51	-5,51	-5,42

Ngày	P, Bản Yên Nhân (QTHY2a)		xã Hưng Long (Q.127a)	
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo tháng 6	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo tháng 6
27	-8,61	-8,43	-5,49	-5,41
30	-8,65	-8,45	-5,53	-5,44
TB	-8,59	-8,52	-5,53	-5,46

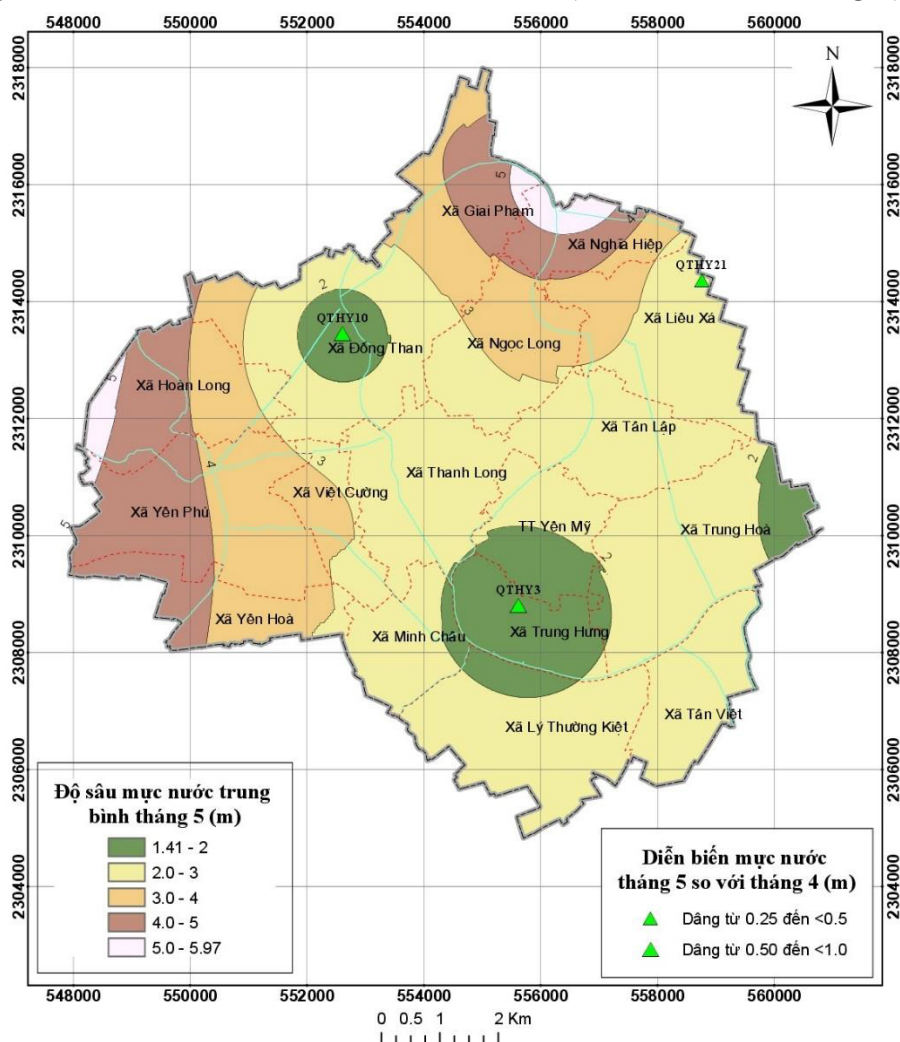
II.5. Huyện Yên Mỹ

II.5.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

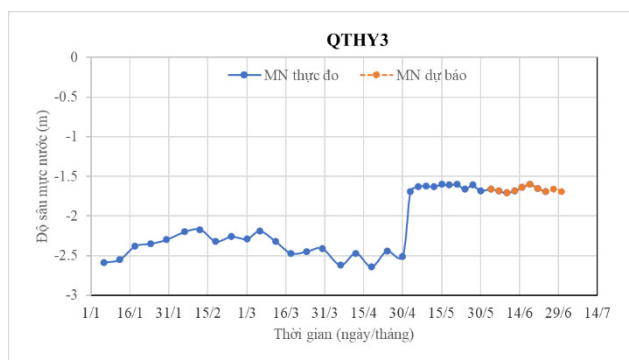
Trong phạm vi huyện, mực nước tháng 5 có xu thế dâng so với tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 0,89m tại xã Trung Hưng (QTHY3).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là -1,62m tại xã Đồng Than (QTHY10), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -2,54m tại xã Liêu Xá (QTHY21)

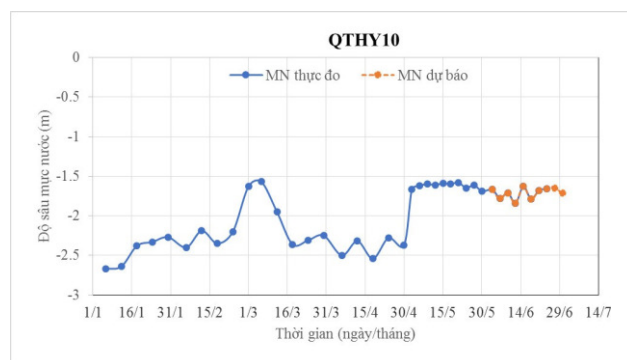
Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu thế dâng, tuy nhiên dâng không đáng kể so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 20 và bảng 9).



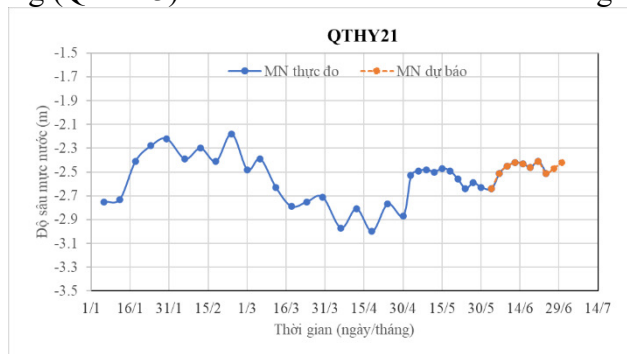
Hình 19. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qh khu vực huyện Yên Mỹ



a. Xã Trung Hưng (QTHY3)



b. Xã Đồng Than (QTHY10)



c. Xã Liêu Xá (QTHY21)

Hình 20. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

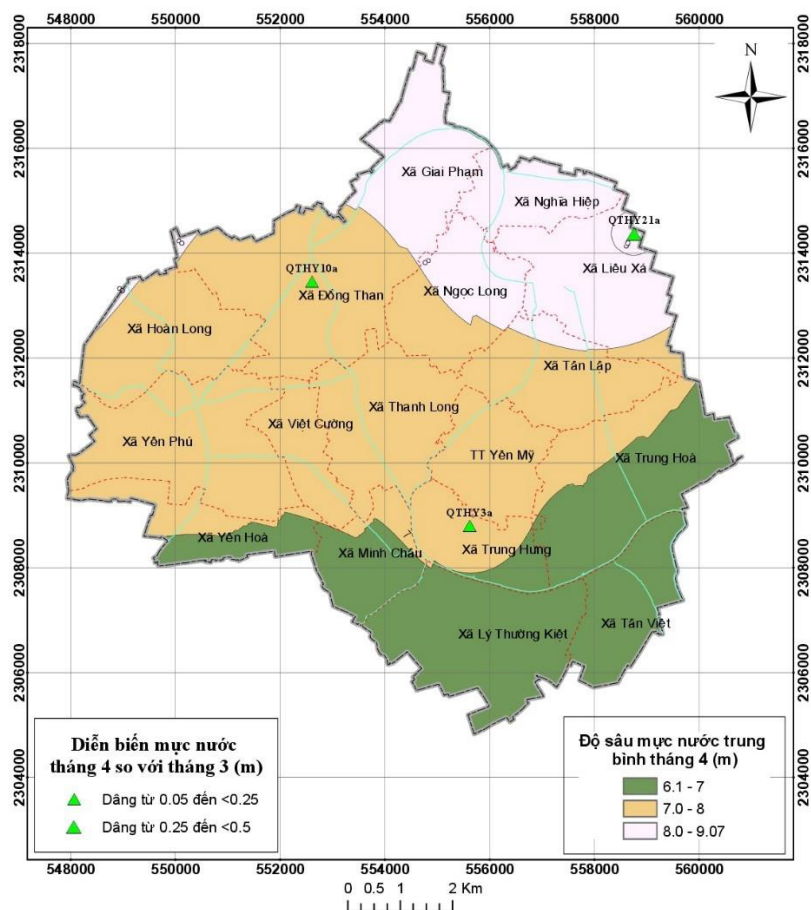
Bảng 9. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

Ngày	Xã Liêu Xá (QTHY21)		UBND xã Trung Hưng (QTHY3)		UBND xã Đồng Than (QTHY10)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-2,53	-2,64	-1,69	-1,66	-1,67	-1,67
6	-2,49	-2,51	-1,63	-1,68	-1,62	-1,78
9	-2,48	-2,45	-1,62	-1,71	-1,6	-1,71
12	-2,5	-2,42	-1,63	-1,68	-1,61	-1,84
15	-2,47	-2,43	-1,6	-1,64	-1,59	-1,63
18	-2,49	-2,46	-1,61	-1,6	-1,6	-1,79
21	-2,56	-2,41	-1,6	-1,65	-1,58	-1,68
24	-2,64	-2,51	-1,66	-1,69	-1,65	-1,66
27	-2,59	-2,47	-1,61	-1,66	-1,61	-1,65
30	-2,63	-2,42	-1,68	-1,69	-1,69	-1,71
TB	-2,54	-2,47	-1,63	-1,67	-1,62	-1,71

II.5.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

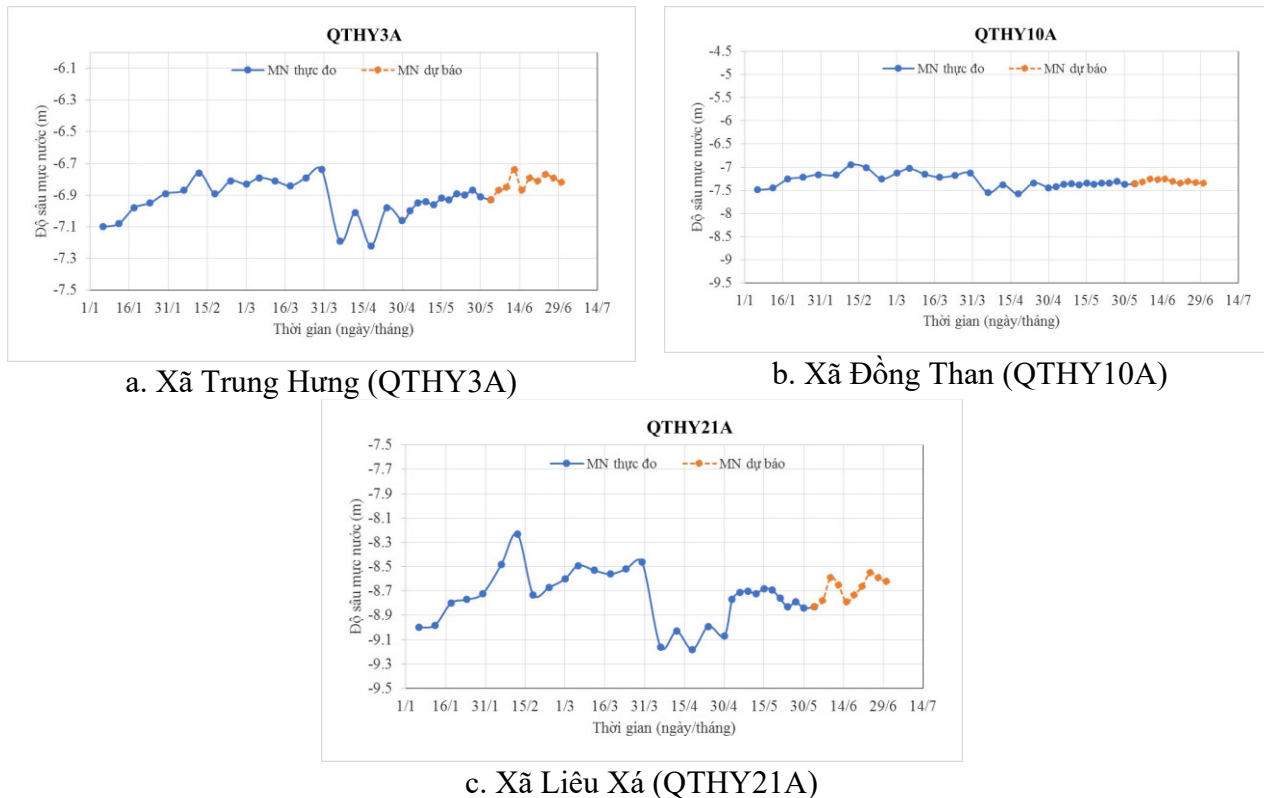
Trong phạm vi huyện, mực nước tháng 5 có xu hướng tăng so với tháng 4. Giá trị hạ lớn nhất là 0,32m tại xã Liêu Xá (QTHY21A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -6,93m tại xã Trung Hưng (QTHY3A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -8,75m tại xã Liêu Xá (QTHY21A).



Hình 21. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tăng qđ khu vực huyện Yên Mỹ

Dự báo: Trong tháng 6 có xu hướng dâng so với tháng 5 tuy nhiên dâng không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 22 và bảng 10).



Hình 22. Dự báo độ sâu mực nước tăng qđ

Bảng 10. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

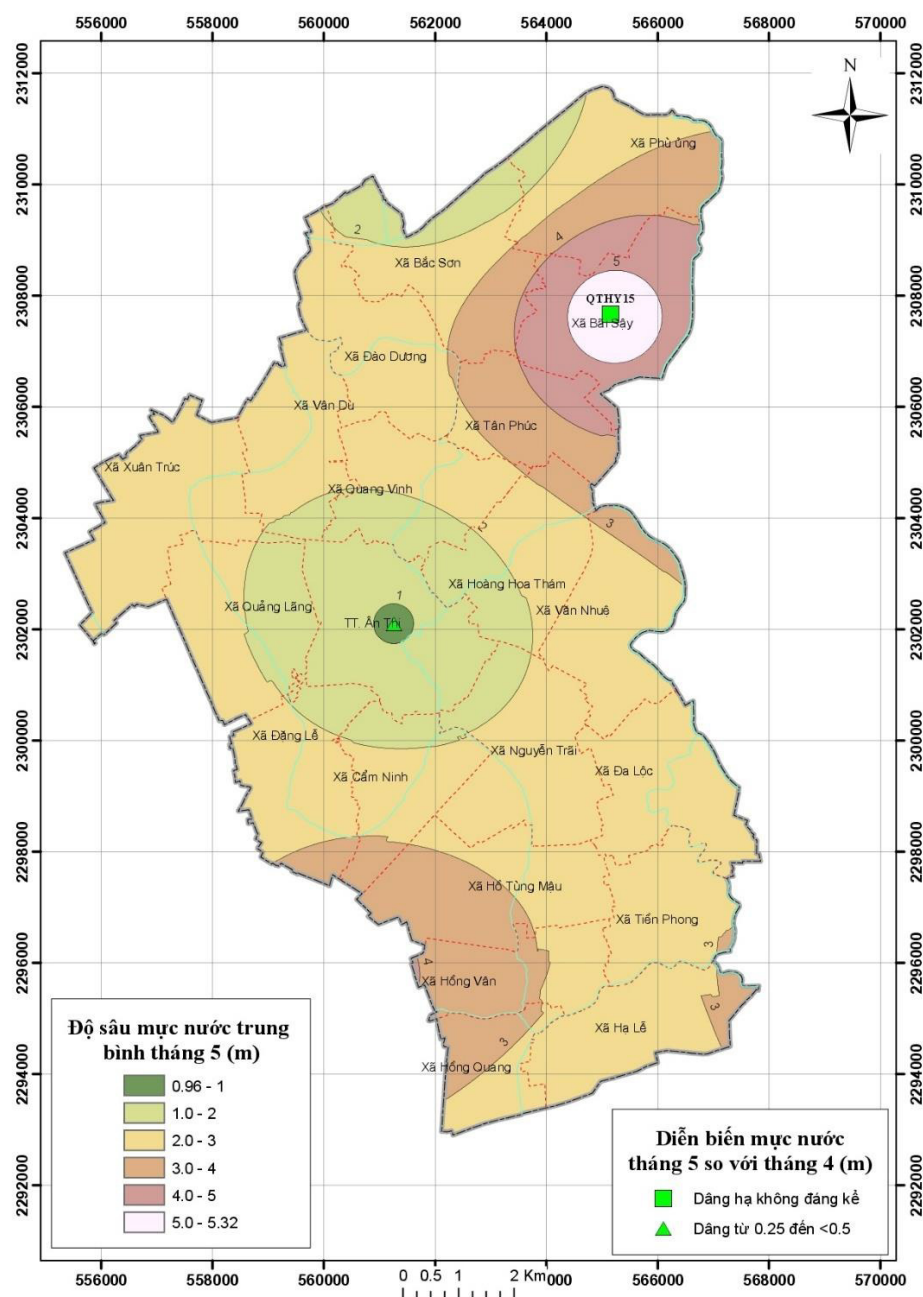
Ngày	xã Liêu Xá (QTHY21A)		UBND xã Trung Hưng (QTHY3A)		UBND xã Đồng Than (QTHY10A)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-8,77	-8,83	-7	-6,93	-7,42	-7,36
6	-8,71	-8,78	-6,95	-6,87	-7,37	-7,32
9	-8,7	-8,59	-6,94	-6,85	-7,36	-7,26
12	-8,72	-8,65	-6,96	-6,74	-7,38	-7,27
15	-8,68	-8,79	-6,92	-6,87	-7,35	-7,25
18	-8,69	-8,73	-6,93	-6,79	-7,37	-7,31
21	-8,76	-8,66	-6,89	-6,81	-7,34	-7,35
24	-8,83	-8,55	-6,9	-6,77	-7,35	-7,31
27	-8,79	-8,59	-6,87	-6,79	-7,31	-7,33
30	-8,84	-8,62	-6,91	-6,82	-7,37	-7,35
TB	-8,75	-8,68	-6,93	-6,82	-7,36	-7,31

II.6. Huyện Ân Thi

II.6.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

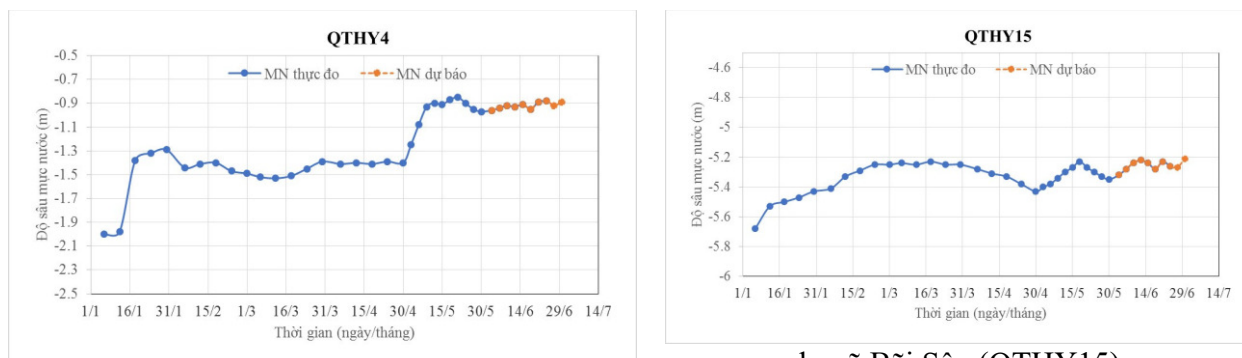
Trong phạm vi huyện, mực nước tháng 5 có xu hướng dâng với tháng 4. Mực nước dâng cao nhất là 0,44m tại TT Ân Thi (QTHY4)

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,96m tại TT Ân Thi (QTHY4), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -5,32m tại xã Bãi Sậy (QTHY15).



Hình 23. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qh khu vực huyện Ân Thi

Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu thế dâng, tuy nhiên dâng không đáng kể so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 24 và bảng 11).



a. TT Ân Thi (QTHY4)

b. xã Bãi Sậy (QTHY15)

Hình 24. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

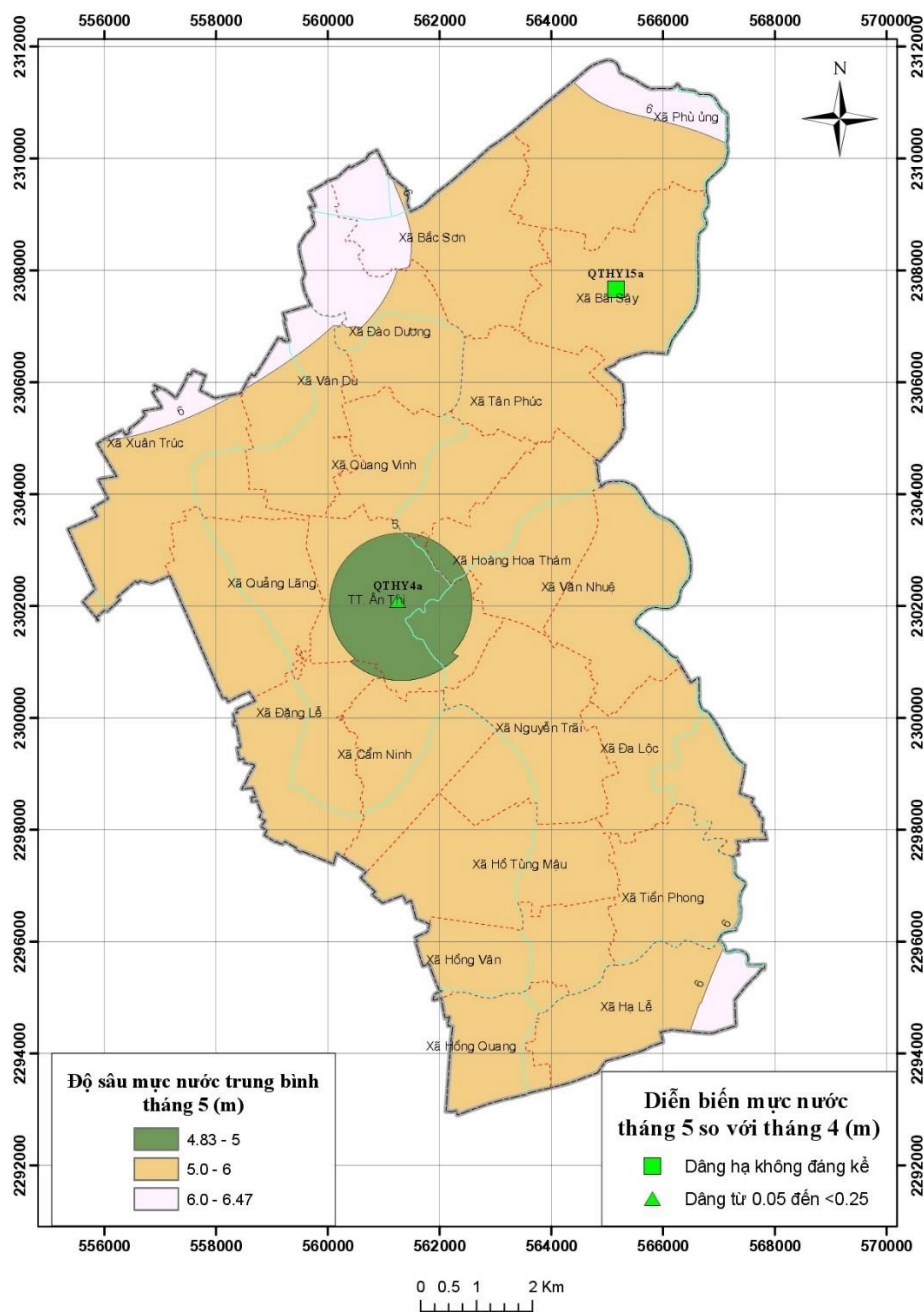
Bảng 11. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

Ngày	Trạm Y tế Thị trấn Ân Thi (QTHY4)		UBND xã Bãi Sậy (QTHY15)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự bảo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự bảo tháng 6
3	-1,25	-0,96	-5,4	-5,32
6	-1,08	-0,94	-5,38	-5,28
9	-0,93	-0,92	-5,34	-5,24
12	-0,9	-0,93	-5,3	-5,22
15	-0,91	-0,91	-5,27	-5,24
18	-0,87	-0,95	-5,23	-5,28
21	-0,85	-0,89	-5,27	-5,23
24	-0,9	-0,88	-5,3	-5,26
27	-0,95	-0,92	-5,33	-5,27
30	-0,97	-0,89	-5,35	-5,21
TB	-0,96	-0,92	-5,32	-5,26

II.6.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

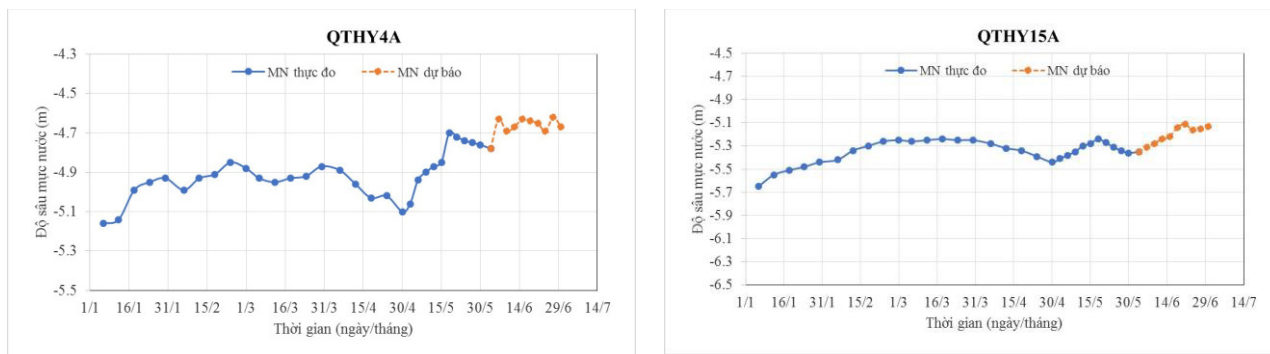
Trong phạm vi huyện, mực nước tháng 5 có xu hướng dâng so với tháng 4. Giá trị hạ lớn nhất là 0,20m tại TT Ân Thi (QTHY4A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -4,83m tại TT Ân Thi (QTHY4A), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -5,32m tại xã Bãi Sậy (QTHY15A).



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qp khu vực huyện Ân Thi

Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu hướng dâng, tuy nhiên dâng không đáng kể so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 25 và bảng 12).



a. TT Ân Thi (QTHY4A)

b. xã Bãi Sậy (QTHY15A)

Hình 25. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 12. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

Ngày	Trạm Y tế Thị trấn Ân Thi (QTHY4a)		UBND xã Bãi Sậy (QTHY15a)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-5,06	-4,78	-5,41	-5,35
6	-4,94	-4,63	-5,38	-5,31
9	-4,9	-4,69	-5,35	-5,28
12	-4,87	-4,67	-5,3	-5,24
15	-4,85	-4,63	-5,28	-5,22
18	-4,7	-4,64	-5,24	-5,14
21	-4,72	-4,65	-5,27	-5,11
24	-4,74	-4,69	-5,31	-5,16
27	-4,75	-4,62	-5,34	-5,15
30	-4,76	-4,67	-5,36	-5,13
TB	-4,83	-4,67	-5,32	-5,21

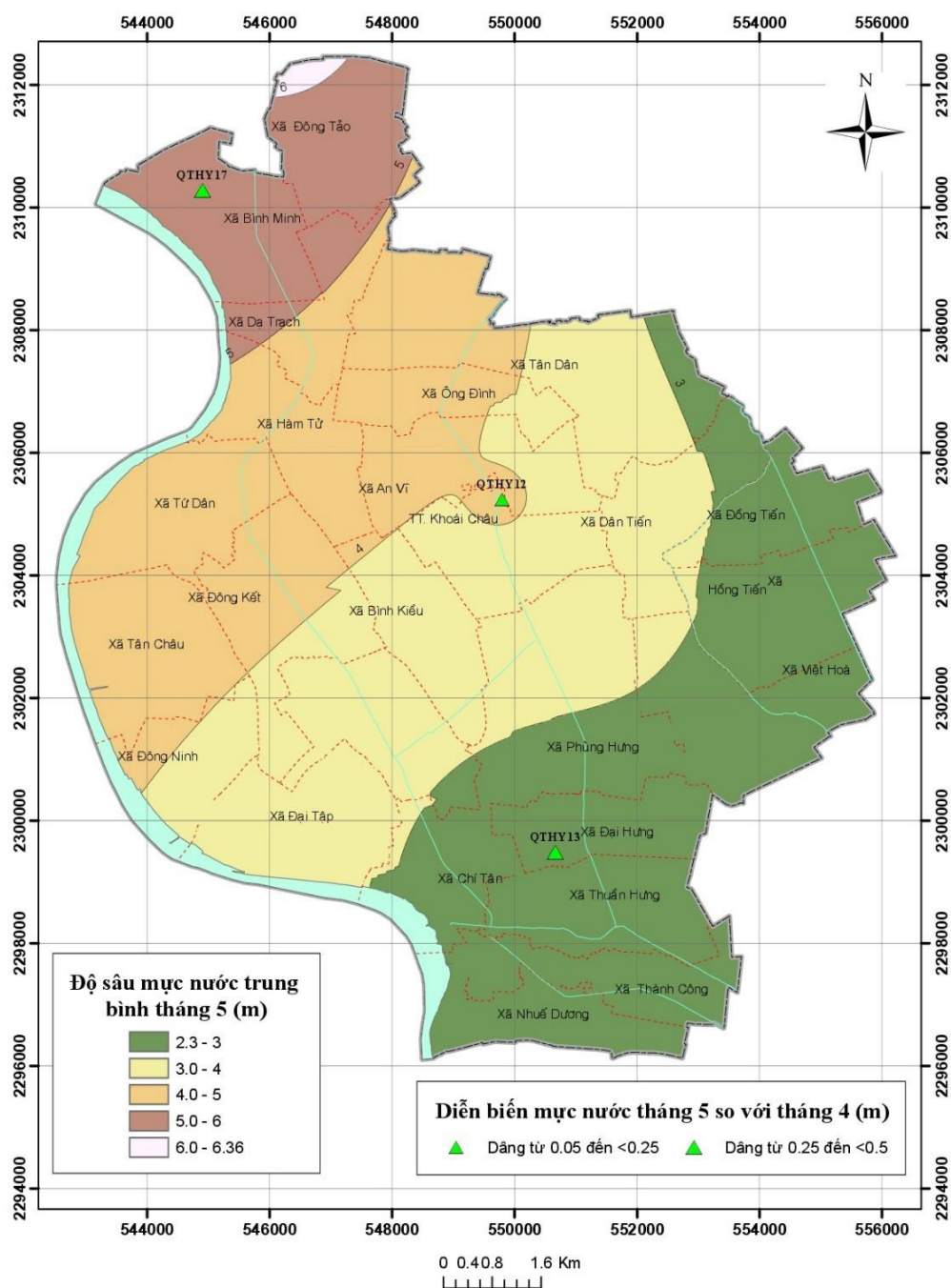
II.7. Huyện Khoái Châu

II.7.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

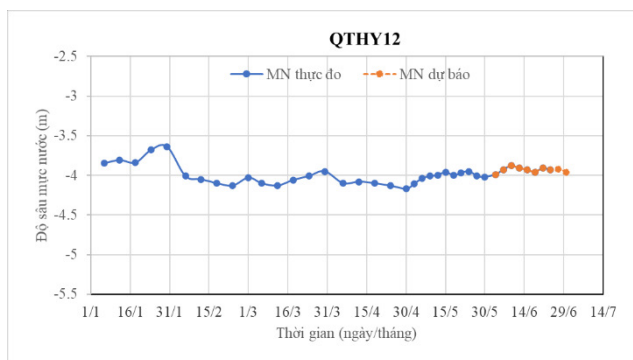
Trong phạm vi huyện, mực nước tháng 5 có xu hướng dâng so với tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 0,44m tại xã Đại Hưng (QTHY13).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -2,69m tại xã Đại Hưng (QTHY13), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -5,23m tại xã Bình Minh (QTHY17).

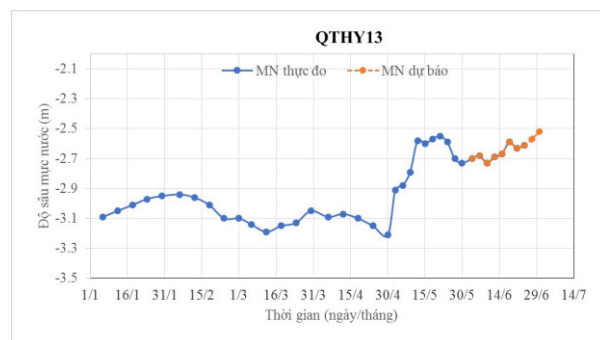
Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu thế dâng, tuy nhiên dâng không đáng kể so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 27 và bảng 13).



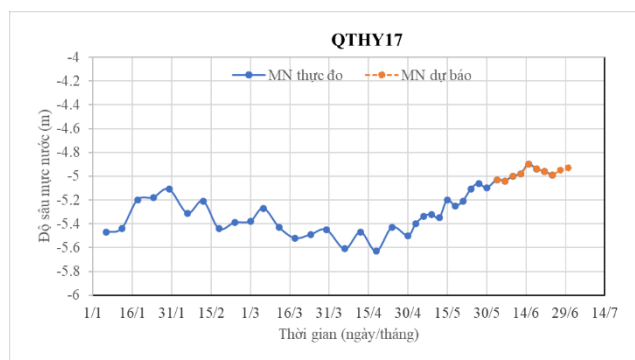
Hình 26. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qh khu vực huyện Khoai Châu



a. xã An Vĩ (QTHY12)



b. xã Đại Hưng (QTHY13)



c. xã Bình Minh (QTHY17)

Hình 27. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 13. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

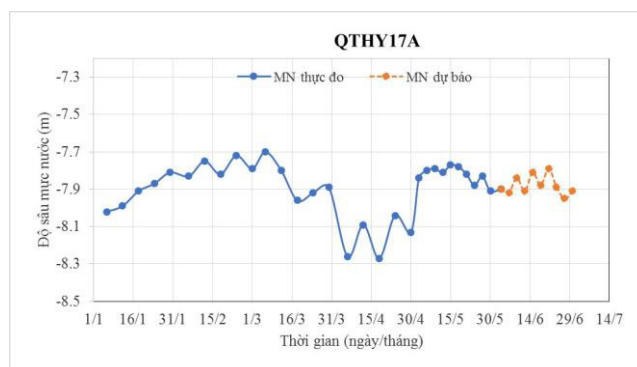
Ngày	UBND xã An Vĩnh (QTHY12)		UBND xã Đại Hưng (QTHY13)		Trạm cấp nước Bình Minh (QTHY17)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-4,11	-3,99	-2,91	-2,7	-5,4	-5,03
6	-4,04	-3,93	-2,88	-2,68	-5,34	-5,04
9	-4,01	-3,88	-2,79	-2,73	-5,32	-5
12	-4	-3,91	-2,58	-2,69	-5,35	-4,98
15	-3,96	-3,93	-2,6	-2,67	-5,2	-4,9
18	-4	-3,96	-2,57	-2,59	-5,25	-4,94
21	-3,97	-3,91	-2,55	-2,63	-5,21	-4,96
24	-3,95	-3,93	-2,59	-2,61	-5,11	-4,99
27	-4,01	-3,92	-2,7	-2,57	-5,06	-4,95
30	-4,02	-3,96	-2,73	-2,52	-5,1	-4,93
TB	-4,01	-3,93	-2,69	-2,64	-5,23	-4,97

II.7.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Trong phạm vi huyện, mực nước tháng 5 có xu thế dâng so với tháng 4. Giá trị dâng lớn nhất là 0,34 tại xã Bình Minh (QTHY17A). Giá trị dâng nhỏ nhất là 0,06m tại xã An Vĩnh (QTHY12A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -5,01m tại xã Phùng Hưng (Q.193a), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -7,80m tại Trạm cấp nước Bình Minh (QTHY17A).

Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu thế dâng, hạ so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 29 và bảng 14).



c. xã Bình Minh (QTHY17A)

Hình 29. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

Bảng 14. Độ sâu mực nước tầng qp (m)

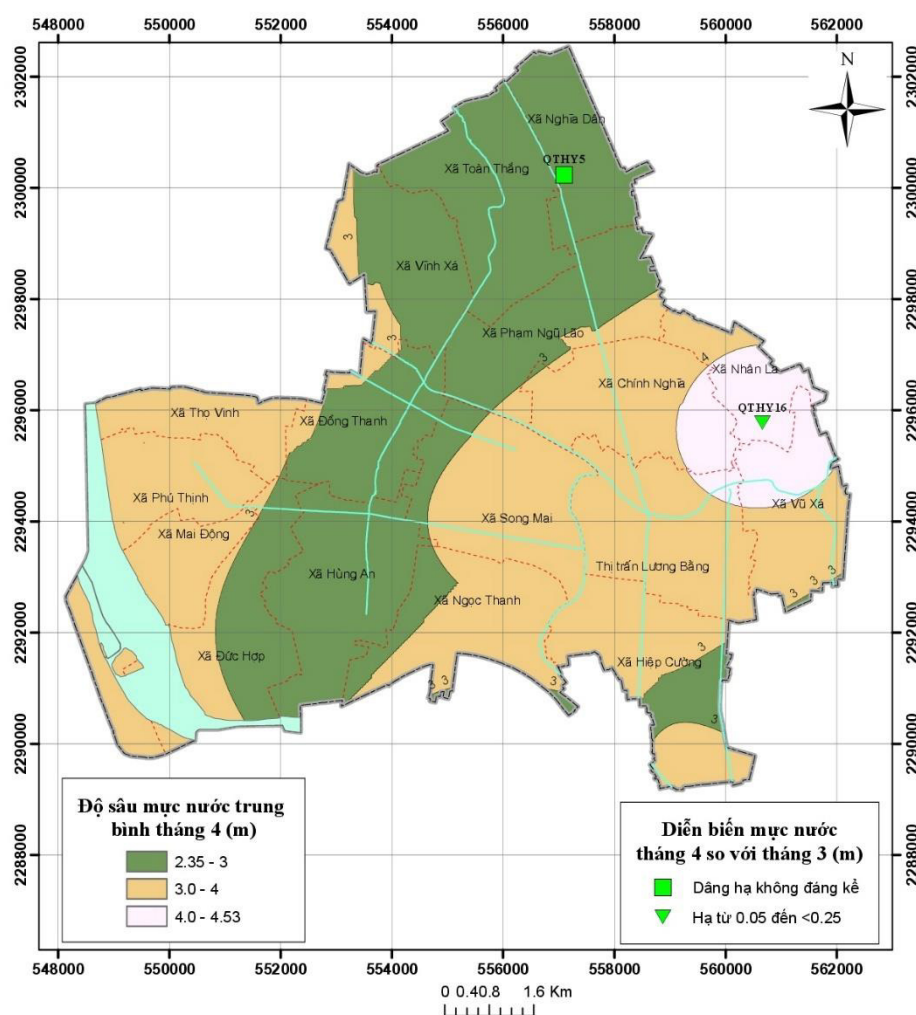
Ngày	UBND xã An Vĩnh (QTHY12A)		UBND xã Đại Hưng (QTHY13A)		Trạm cấp nước Bình Minh (QTHY17A)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-6,05	-5,95	-5,97	-5,67	-7,84	-7,9
6	-5,9	-5,85	-5,96	-5,57	-7,8	-7,92
9	-5,88	-5,81	-5,93	-5,53	-7,79	-7,84
12	-5,89	-5,78	-5,78	-5,5	-7,81	-7,91
15	-5,85	-5,74	-5,65	-5,46	-7,77	-7,81
18	-5,81	-5,72	-5,55	-5,44	-7,78	-7,88
21	-5,83	-5,74	-5,59	-5,46	-7,82	-7,79
24	-5,86	-5,76	-5,6	-5,42	-7,88	-7,89
27	-5,89	-5,78	-5,63	-5,48	-7,83	-7,95
30	-5,93	-5,75	-5,65	-5,47	-7,91	-7,91
TB	-5,89	-5,79	-5,73	-5,50	-7,82	-7,88

II.8. Huyện Kim Động

II.8.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

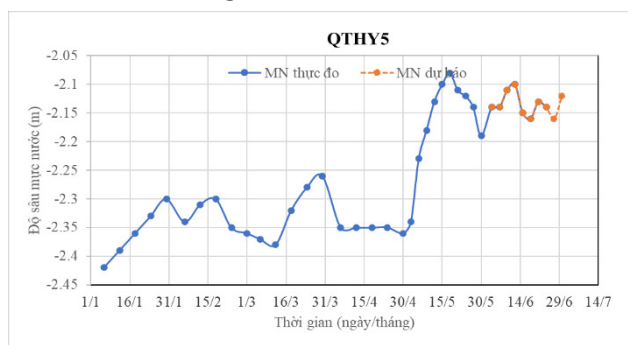
Trong phạm vi huyện, mực nước tháng 5 có xu thế dâng so với tháng 4. Mực nước dâng cao nhất là 0,22m tại xã Nhân La (QTHY16).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -2,16m tại xã Nghĩa Dân (QTHY5), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -4,31m tại xã Nhân La (QTHY16).

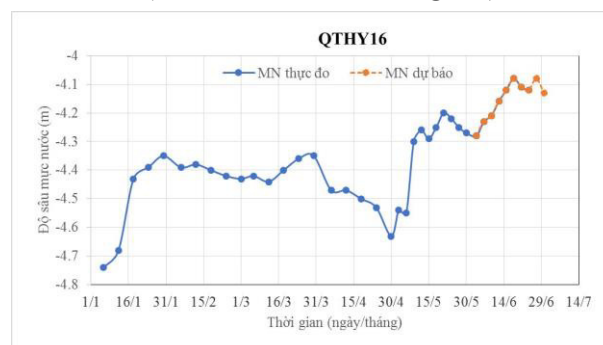


Hình 30. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qh khu vực huyện Kim Động

Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu hướng dâng, tuy nhiên dâng không đáng kể so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 31 và bảng 15).



a. Xã Nghĩa Dân (QTHY5)



b. Xã Nhân La (QTHY16)

Hình 31. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 15. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

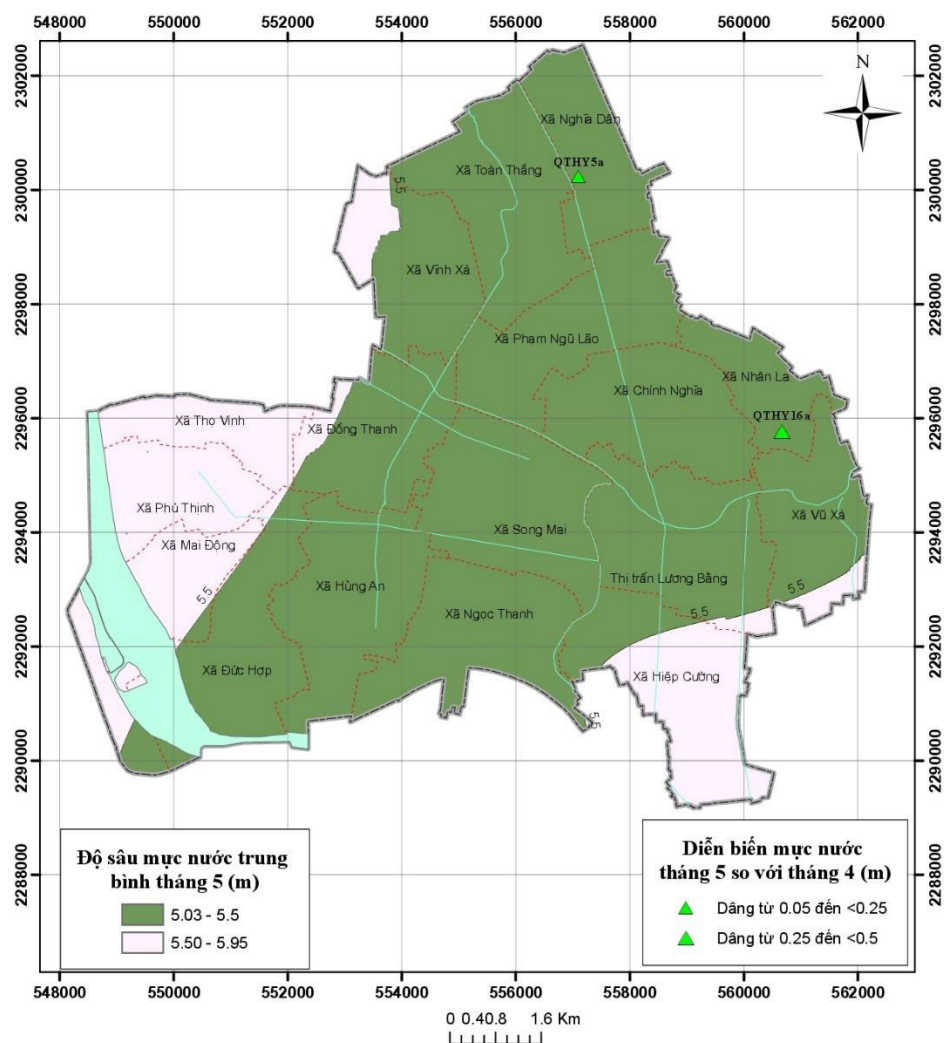
Ngày	Xã Nghĩa Dân (QTHY5)		UBND xã Nhân La (QTHY16)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-2,34	-2,14	-4,54	-4,28
6	-2,23	-2,14	-4,55	-4,23

Ngày	xã Nghĩa Dân (QTHY5)		UBND xã Nhân La (QTHY16)	
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo tháng 6	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo tháng 6
9	-2,18	-2,11	-4,3	-4,21
12	-2,13	-2,1	-4,26	-4,16
15	-2,1	-2,15	-4,29	-4,12
18	-2,08	-2,16	-4,25	-4,08
21	-2,11	-2,13	-4,2	-4,11
24	-2,12	-2,14	-4,22	-4,12
27	-2,14	-2,16	-4,25	-4,08
30	-2,19	-2,12	-4,27	-4,13
TB	-2,16	-2,14	-4,31	-4,15

II.8.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

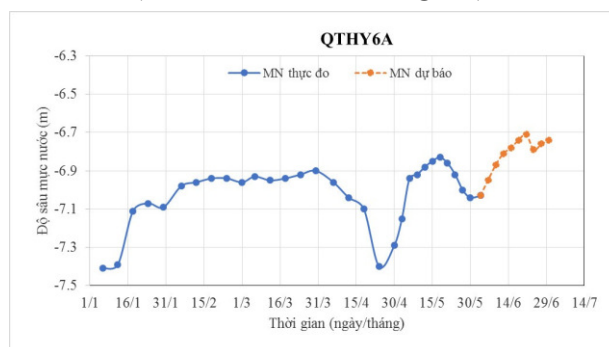
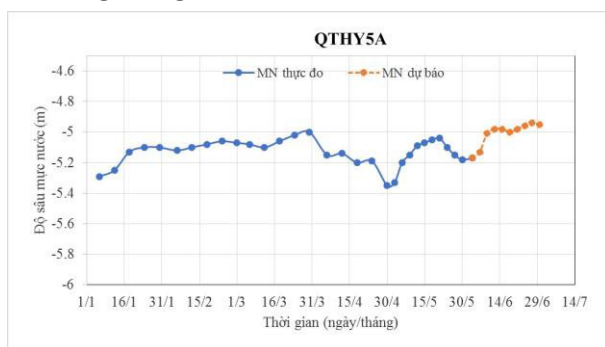
Trong phạm vi huyện, mức nước tháng 5 có xu hướng dâng so với tháng 4. Giá trị hạ lớn nhất là 0,25m tại xã Nhân La (QTHY16A).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là -5,03m tại xã Nhân La (QTHY16A), mức nước trung bình tháng sâu nhất là -5,14m tại xã Nghĩa Dân (QTHY5A).



Hình 32. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qp khu vực huyện Kim Động

Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu thế dâng so với tháng 5 tuy nhiên dâng không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 33 và bảng 16).



a. Xã Nghĩa Dân (QTHY5A)

b. Xã Nhân La (QTHY16A)

Hình 33. Dự báo độ sâu mực nước tầng qđ

Bảng 16. Độ sâu mực nước tầng qđ (m)

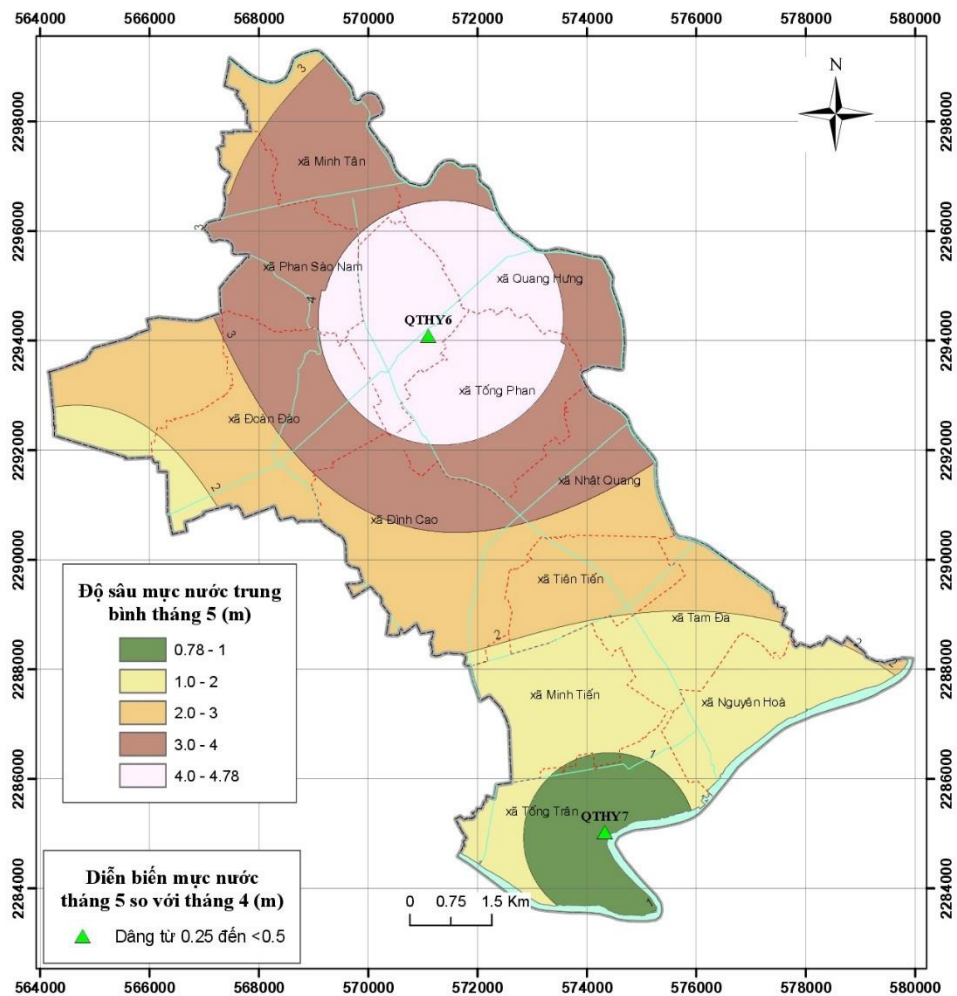
Ngày	Xã Nghĩa Dân (QTHY5A)		UBND xã Nhân La (QTHY16A)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-5,33	-5,17	-5,27	-5,01
6	-5,2	-5,13	-5,25	-4,96
9	-5,15	-5,01	-5,15	-4,88
12	-5,09	-4,98	-5,00	-4,85
15	-5,07	-4,98	-4,91	-4,82
18	-5,05	-5,00	-4,86	-4,84
21	-5,04	-4,98	-4,9	-4,82
24	-5,1	-4,96	-4,93	-4,81
27	-5,15	-4,94	-4,98	-4,85
30	-5,18	-4,95	-5,00	-4,86
TB	-5,14	-5,01	-5,03	-4,87

II.9. Huyện Phù Cừ

II.9.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

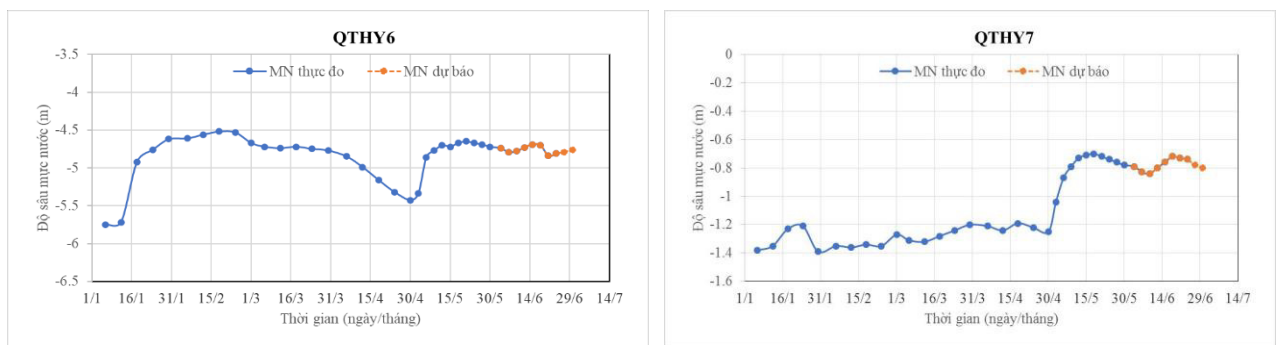
Trong phạm vi huyện, mực nước tháng 5 có xu dâng so với tháng 4. Giá trị mực nước dâng cao nhất là 0,44m tại xã Tổng Trân (QTHY7).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,78m tại xã Tổng Trân (QTHY7), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -4,78m tại TT Trần Cao (QTHY6).



Hình 34. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tăng qh khu vực huyện Phù Cù

Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu thế dâng so với tháng 5 tuy nhiên dâng không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 35 và bảng 17).



a. TT Trần Cao (QTHY6)

b. Xã Tống Trân (QTHY7)

Hình 35. Dự báo độ sâu mực nước tăng qh

Bảng 17. Độ sâu mực nước tăng qh (m)

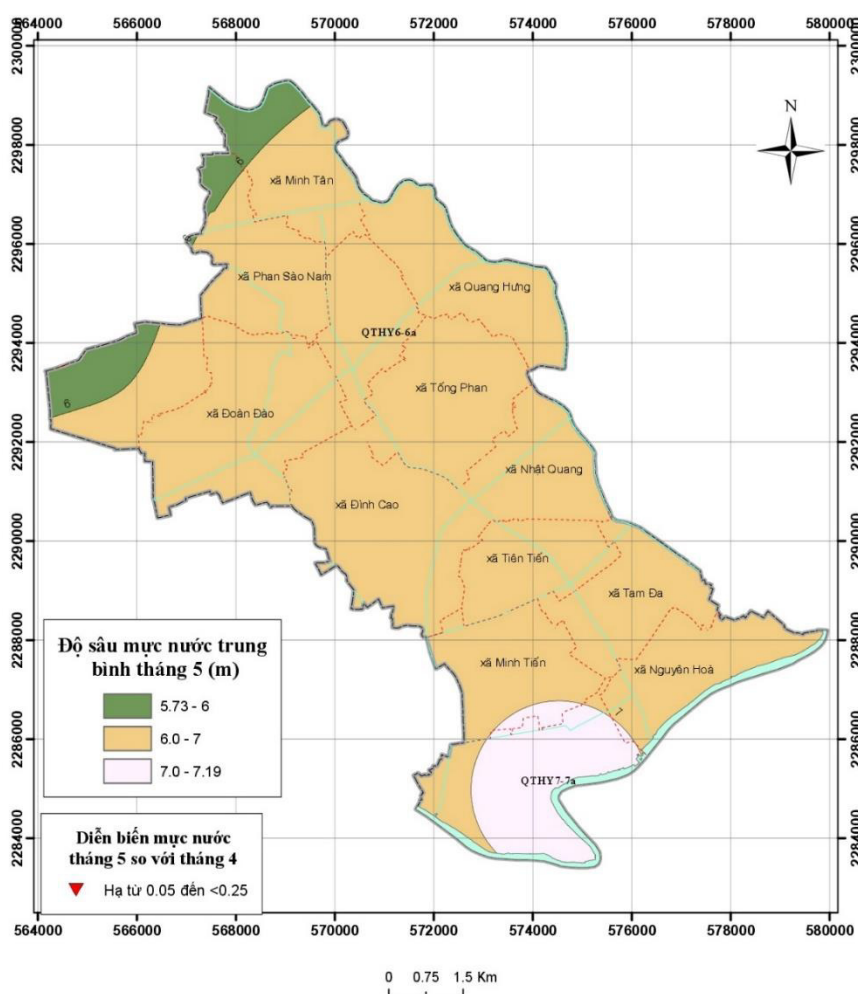
Ngày	UBND TT Trần Cao (QTHY6)		UBND(cũ) xã Tống Trân (QTHY7)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-5,34	-4,74	-1,04	-0,79
6	-4,86	-4,79	-0,87	-0,83
9	-4,77	-4,78	-0,79	-0,84

Ngày	UBND TT Trần Cao (QTHY6)		UBND(cũ) xã Tổng Trân (QTHY7)	
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo tháng 6	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo tháng 6
12	-4,70	-4,73	-0,73	-0,80
15	-4,72	-4,69	-0,71	-0,76
18	-4,67	-4,70	-0,70	-0,72
21	-4,65	-4,84	-0,72	-0,73
24	-4,67	-4,81	-0,74	-0,74
27	-4,69	-4,79	-0,76	-0,78
30	-4,72	-4,76	-0,78	-0,80
TB	-4,78	-4,76	-0,78	-0,78

II.9.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

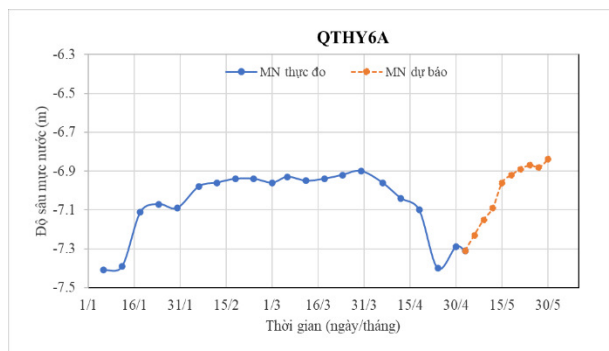
Trong phạm vi huyện, mức nước tháng 5 có xu hướng dâng so với tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 0,22m tại xã Trần Cao (QTHY6A).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là -6,94m tại UBND TT Trần Cao (QTHY6A), mức nước trung bình tháng sâu nhất là -7,19m tại UBND (cũ) xã Tổng Trân (QTHY7A).

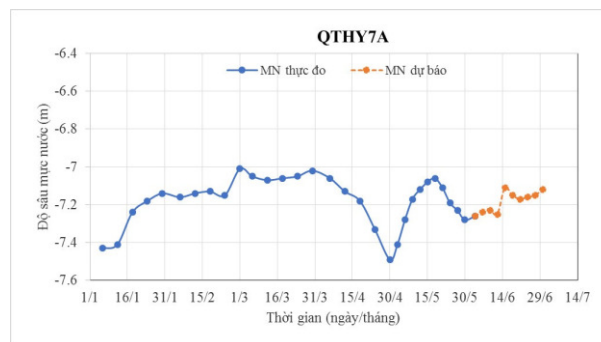


Hình 36. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qp khu vực huyện Phù Cù

Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu hướng dâng so với tháng 5, tuy nhiên dâng không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 39 và bảng 24).



a. TT Trần Cao (QTHY6A)



b. Xã Tổng Trân (QTHY7A)

Hình 37. Dự báo độ sâu mực nước tầng qđ

Bảng 18. Độ sâu mực nước tầng qđ (m)

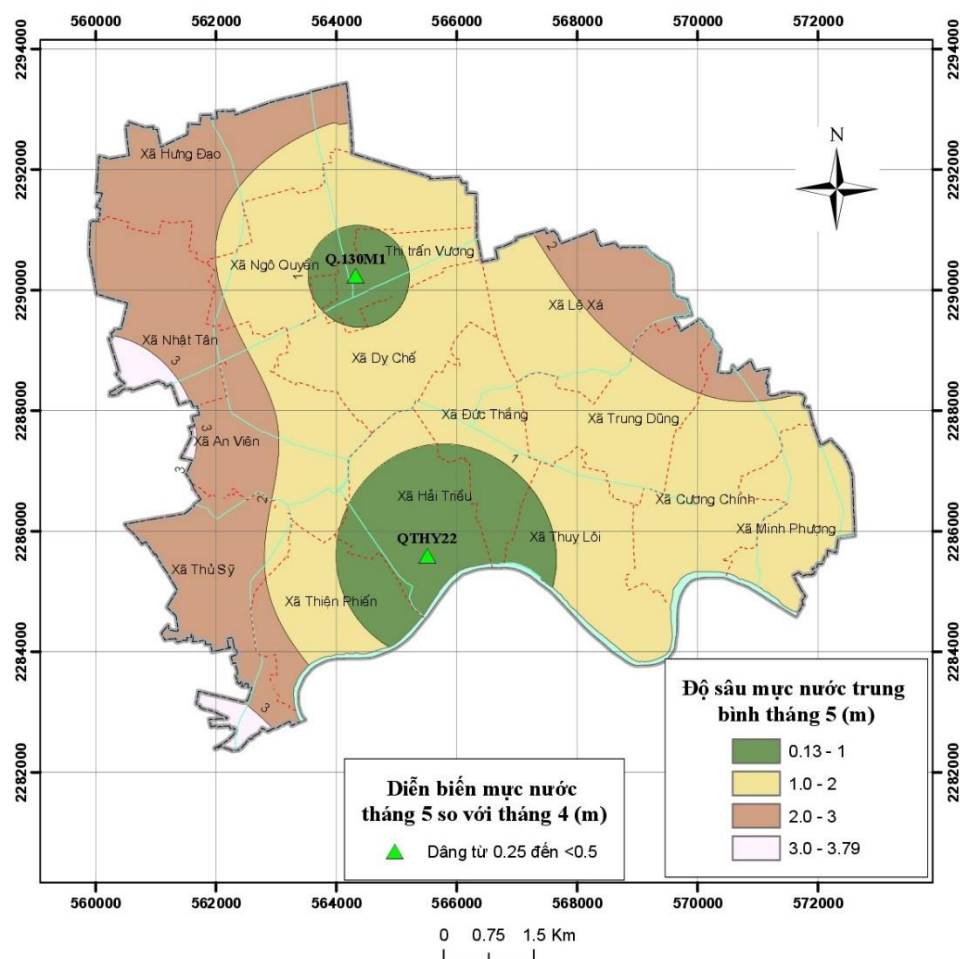
Ngày	UBND TT Trần Cao (QTHY6A)		UBND(cũ) xã Tổng Trân (QTHY7A)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-7,15	-7,03	-7,41	-7,26
6	-6,94	-6,95	-7,28	-7,24
9	-6,92	-6,87	-7,17	-7,23
12	-6,88	-6,81	-7,12	-7,25
15	-6,85	-6,78	-7,08	-7,11
18	-6,83	-6,74	-7,06	-7,15
21	-6,86	-6,71	-7,11	-7,17
24	-6,92	-6,79	-7,19	-7,16
27	-7,00	-6,76	-7,23	-7,15
30	-7,04	-6,74	-7,28	-7,12
TB	-6,94	-6,82	-7,19	-7,18

II.10. Huyện Tiên Lữ

II.10.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

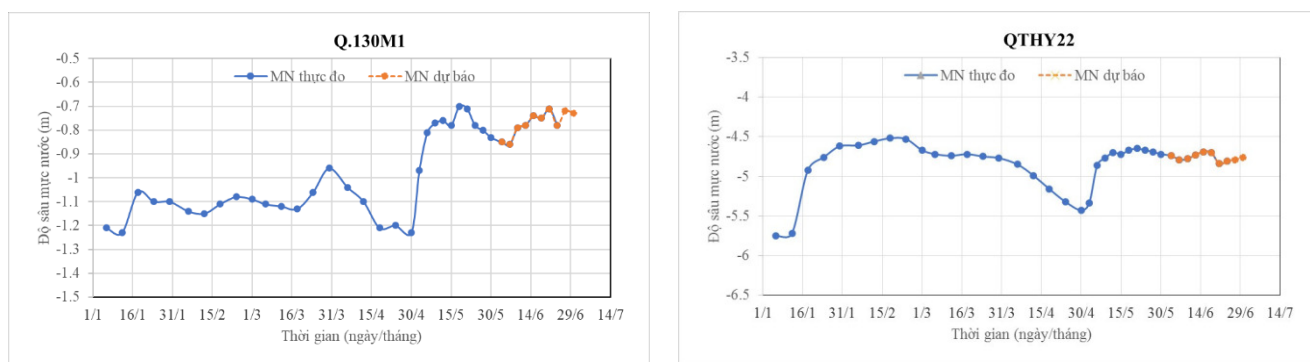
Trong phạm vi huyện, mực nước tháng 5 có xu hướng dâng so với tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 0,37m tại TT Vương (Q.130M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,13m tại xã Hải Triều (QTHY22), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -0,79m tại TT Vương (Q.130M1).



Hình 38. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qh khu vực huyện Tiên Lữ

Dự báo: Trong tháng 6 mực nước có xu thế dâng, tuy nhiên không đáng kể so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 39 và bảng 19).



a. TT Vương (Q.130M1)

b. xã Hải Triều (QTHY22)

Hình 39. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 19. Độ sâu mực nước tầng qh (m)

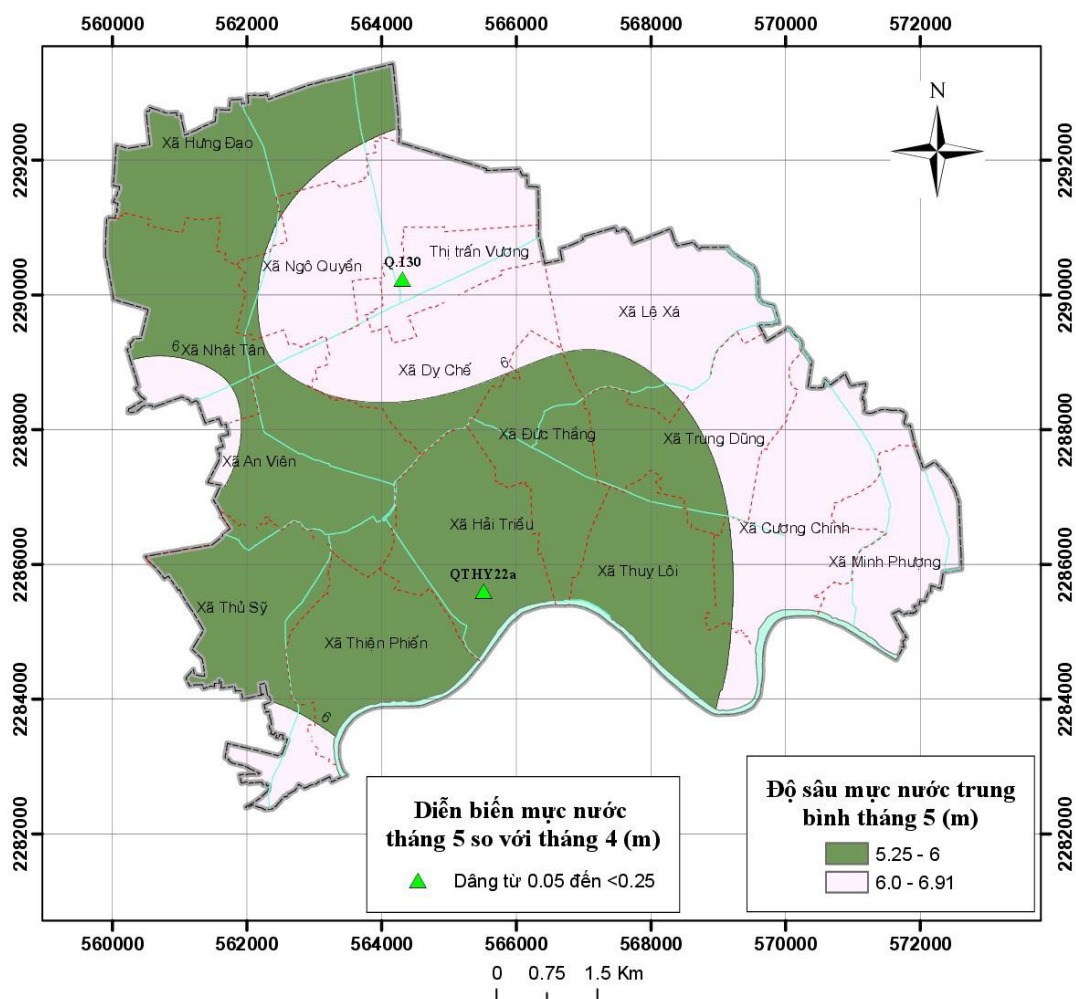
Ngày	xã Hải Triều (QTHY22)		TT Vương (Q.130M1)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-0,28	-0,22	-0,97	-0,85
6	-0,11	-0,23	-0,81	-0,86
9	-0,07	-0,2	-0,77	-0,79

Ngày	xã Hải Triều (QTHY22)		TT Vương (Q.130M1)	
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo tháng 6	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo tháng 6
12	-0,06	-0,15	-0,76	-0,78
15	-0,09	-0,17	-0,78	-0,74
18	-0,05	-0,14	-0,7	-0,75
21	-0,08	-0,16	-0,71	-0,71
24	-0,14	-0,24	-0,78	-0,78
27	-0,19	-0,25	-0,8	-0,72
30	-0,23	-0,17	-0,83	-0,73
TB	-0,13	-0,19	-0,79	-0,77

II.10.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

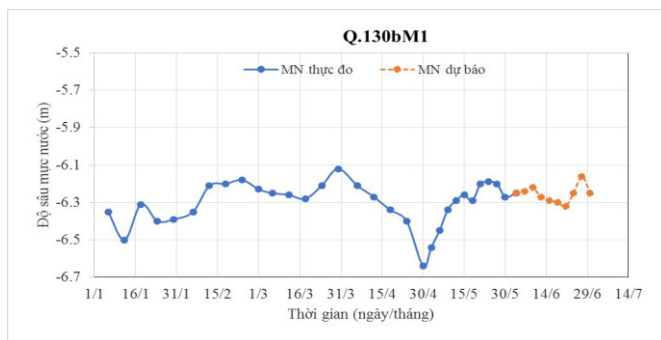
Trong phạm vi huyện, mực nước tháng 5 có xu hướng dâng so với tháng 4. Giá trị hạ lớn nhất là 0,08m tại xã Hải Triều (QTH22A).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -5,25m tại xã Hải Triều (QTHY22a), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -6,30m tại TT Vương (Q.130bM1).

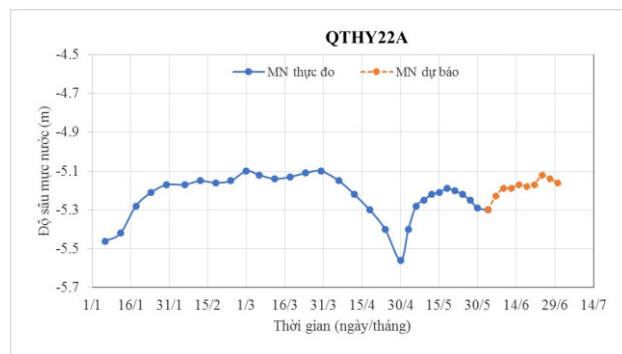


Hình 40. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2024 tầng qp khu vực huyện Tiên Lữ

Dự báo: Trong tháng 5 mực nước có xu thế dâng so với tháng 4. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 41 và bảng 20).



a. TT Vương (Q.130bM1)



b. xã Hải Triều (QTHY22A)

Hình 41. Dự báo độ sâu mực nước tăng qđ

Bảng 20. Độ sâu mực nước tăng qđ (m)

Ngày	xã Hải Triều (QTHY22a)		TT Vương (Q.130bM1)	
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo tháng 6
3	-5,40	-5,30	-6,54	-6,25
6	-5,28	-5,23	-6,45	-6,24
9	-5,25	-5,19	-6,34	-6,22
12	-5,22	-5,19	-6,29	-6,27
15	-5,21	-5,17	-6,26	-6,29
18	-5,19	-5,18	-6,29	-6,30
21	-5,20	-5,17	-6,20	-6,32
24	-5,22	-5,12	-6,19	-6,25
27	-5,25	-5,14	-6,20	-6,16
30	-5,29	-5,16	-6,27	-6,25
TB	-5,25	-5,19	-6,30	-6,26